

CÔNG TY TNHH HITEX.ONE VINA



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
NHÀ MÁY SẢN XUẤT SẢN PHẨM TỪ SỢI
HITEX.ONE VINA**

**(Địa điểm: Lô A/A1 CCN Hà Lam-Chợ Được, xã Bình Phục,
huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam)**

Quảng Nam, tháng 07 năm 2023

CÔNG TY TNHH HITEX.ONE VINA



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
NHÀ MÁY SẢN XUẤT SẢN PHẨM TỪ SỢI
HITEX.ONE VINA**

**(Địa điểm: Lô A/A1 CCN Hà Lam-Chợ Được, xã Bình Phục,
huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam)**

**CHỦ DỰ ÁN
CÔNG TY TNHH HITEX.ONE VINA**

CHỦ TỊCH



Quảng Nam, tháng 07 năm 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	4
DANH MỤC BẢNG.....	5
DANH MỤC HÌNH.....	5
Chương I	6
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN	6
1. Tên chủ dự án.....	6
2. Tên dự án.....	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án.....	6
3.1. Công suất hoạt động của dự án.....	6
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án	6
3.3. Sản phẩm của dự án	9
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án	9
4.1. Nguyên liệu.....	9
4.2. Nhiên liệu.....	9
4.3. Nhu cầu sử dụng điện	9
4.4. Nhu cầu sử dụng nước	10
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án:.....	10
5.1. Các hạng mục công trình xây dựng của dự án:.....	10
5.2. Máy móc, thiết bị của dự án:	11
5.3. Nhu cầu về nhân lực và chế độ làm việc của dự án:.....	11
Chương II	13
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	13
1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:	13
2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	13
a) Hệ thống thoát nước mưa, nước thải của CCN&TTCN.....	13

b) Quản lý, thu gom CTR thông thường, CTNH của CCN.....	14
c) Đặc điểm khu vực nguồn tiếp nhận nước thải	14
d) Hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải	14
Chương III.....	15
HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	15
1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật.....	15
2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án.....	15
3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án	15
3.1. Môi trường không khí	15
Chương IV.....	17
ĐỀ XUẤT CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	17
1. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án.....	17
1.1. Công trình, biện pháp xử lý nước thải phát sinh	17
1.2. Công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.....	20
1.3. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	23
1.4. Công trình, biện pháp xử lý giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	25
1.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu đến tác động kinh tế.....	29
1.6. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do các sự cố.....	30
2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành	33
2.1. Công trình, biện pháp xử lý nước thải:	33
2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:.....	41
2.3. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại:.....	44
2.3.1 Chất thải rắn sinh hoạt	44
2.3.2 Chất thải rắn sản xuất:	45
2.3.3 Chất thải nguy hại:	46

2.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát sinh trong giai đoạn vận hành của dự án.....	47
2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:	48
2.5.1 Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ.....	48
2.5.2 Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải	49
2.5.3 Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố thiên tai	50
3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	50
4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:	51
Chương V	51
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	51
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	51
Chương VI.....	53
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....	53
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư:	53
2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm:.....	55
Chương VII	56
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	56
Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ.....	56
Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn.....	56
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	57

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD	: Nhu cầu oxy sinh học
BTNMT	: Bộ Tài nguyên Môi trường
COD	: Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTR	: Chất thải rắn
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
XLNT	: Xử lý nước thải
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
BVMT	: Bảo vệ môi trường

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Khối lượng nguyên liệu sản xuất trong một năm.....	9
Bảng 1.2. Khối lượng nhiên liệu sử dụng vệ sinh máy dệt.....	9
Bảng 1.3. Các hạng mục công trình xây dựng.....	11
Bảng 1.4. Máy móc, thiết bị tại dự án.....	11
Bảng 3.1. Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí	16
Bảng 4.1. Tải lượng, nồng độ các chất ô nhiễm NTSH trong giai đoạn thi công.	17
Bảng 4.2. Hàm lượng các nguyên tố hóa học trong dầu Diezen.	23
Bảng 4.3. Tải lượng và nồng độ ô nhiễm do phương tiện thi công cơ giới.....	23
Bảng 4.4. Mức ồn của các máy móc, thiết bị trong thi công	26
Bảng 4.5. Cường độ tiếng ồn theo khoảng cách.	27
Bảng 4.6. Mức rung của một số loại phương tiện, máy móc thi công điển hình	27
Bảng 4.7. Tải lượng, nồng độ phát sinh các chất ô nhiễm trong NTSH tại nhà máy.	34
Bảng 4.8. Kích thước công trình hệ thống xử lý nước thải.....	39
Bảng 4.9. Danh mục, máy móc, thiết bị lắp đặt trong HTXLNT	40
Bảng 4.10. Hệ số ô nhiễm không khí trung bình đối với các loại xe	42
Bảng 4.11. Tải lượng các chất ô nhiễm từ phương tiện giao thông ra vào khu vực..	42
Bảng 4.12. Nồng độ các chất ô nhiễm do phương tiện vận chuyển	43
Bảng 4.13. Khối lượng CTNH phát sinh	46
Bảng 4.14. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	50
Bảng 5.1. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	52
Bảng 6.1. Kế hoạch dự kiến vận hành thử nghiệm nước thải của nhà máy	54
Bảng 6.2. Kế hoạch chi tiết lấy mẫu nước thải giai đoạn vận hành ổn định	54

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Sơ đồ công nghệ sản xuất	7
Hình 4.2. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải	38

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên chủ dự án

- Tên chủ dự án: Công ty TNHH HITEK.ONE VINA.
- Địa chỉ văn phòng: Lô A/A1 CCN Hà Lam-Chợ Được, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: JONG-KOOK, BEAK
- Điện thoại: E-mail:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4001125432 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 30/10/2017.

2. Tên dự án

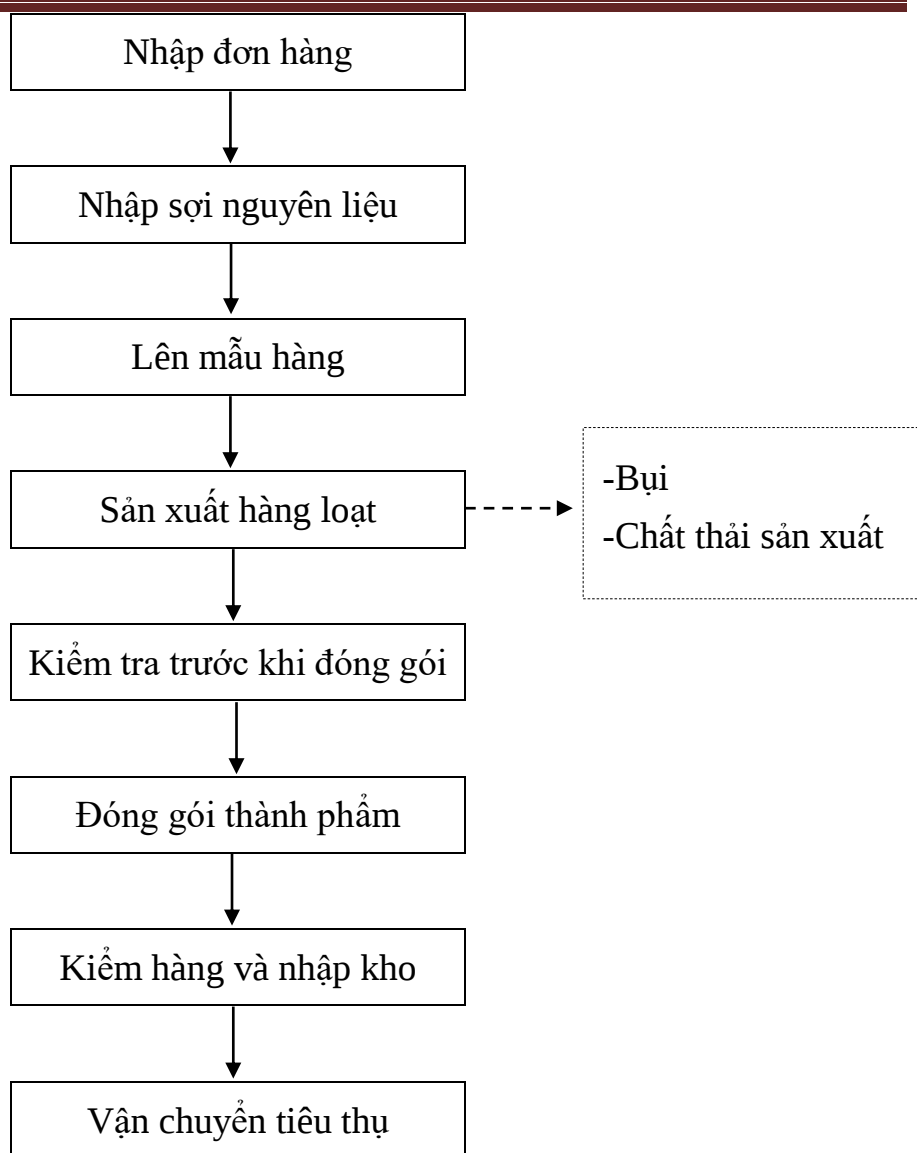
- Tên dự án: Nhà máy sản xuất sản phẩm từ sợi Hitex.one Vina.
- Địa điểm dự án: Lô A/A1 CCN Hà Lam-Chợ Được, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam
- Nhà máy sản xuất sản phẩm từ sợi Hitex.one Vina được UBND huyện Thăng Bình xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường tại số 321/GXN-UBND ngày 12/04/2018.
- Quy mô: Dự án thuộc nhóm C, được phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công Tổng vốn đầu tư: 56.912.500.000 đồng (Năm sáu tỷ chín trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó:
 - + Vốn góp: 34.147.500.000 đồng (Ba mươi bốn tỷ một trăm bốn bảy triệu năm trăm nghìn đồng).
 - + Vốn vay: 22.765.000.000 (Hai mươi hai tỷ bảy trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án

3.1. Công suất hoạt động của dự án

- Công suất theo thiết kế là 1.000 tấn/năm

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án



Hình 1.1. Sơ đồ công nghệ sản xuất

Thuyết minh dây chuyền công nghệ:

+ Nhập đơn hàng:

Nhận đơn hàng của các đối tác sẵn có như một doanh nghiệp, công ty ở Châu Âu như Anh BỈ,...và các khách hàng mới trong khu vực như Philippine, Nhật Bản, Trung Quốc,...cũng như cung cấp các sản phẩm cho các doanh nghiệp may mặc, công ty thời trang cao cấp tại Việt Nam.

+ Nhập sợi nguyên liệu:

Căn cứ theo đơn hàng cụ thể và lượng nguyên liệu dự trữ để tiến hành nhập nguyên liệu là các sợi thành phẩm (phù hợp về màu sắc, chủng loại, chất liệu...theo đơn đặt hàng). Nguyên liệu được thu mua từ các nhà sản xuất trong nước (Việt Nam), một số sẽ được nhập khẩu tại một số quốc gia như Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc,..

+ Lên mẫu hàng đầu tiên:

Bộ phận thiết kế của công ty sẽ lên mẫu hàng theo yêu cầu đặt hàng. Sau khi nhận được sự đồng ý từ khách hàng, công ty sẽ tiến hành sản xuất hàng loạt.

+ Sản xuất hàng loạt:

Sợi kiểu là sợi đặc biệt được tạo thành từ hai loại sợi/chỉ có độ mềm, độ dày, trọng lượng, màu sắc hoặc thành phần sơ có thể xoắn lại tạo thành với. Về cấu trúc sợi kiểu thường có sợi mềm hay lõi là sợi thông thường, được kết hợp với sợi hiệu ứng tạo thành sợi kiểu. Bằng các loại máy móc, công nghệ hiện đại, công ty sẽ tạo ra các hiệu ứng như cấu trúc bất thường, lệch, không đồng đều, quá trình kiểm soát lượng và hướng xoắn để có thể tạo ra sợi kiểu. Trong quá trình sản xuất, có thể xảy ra các hiệu ứng như: hiệu ứng xoắn ốc (có 2 loại sợi khác màu nhau hoặc chỉ số xoắn với nhau tạo ra hiệu ứng); hiệu ứng nếp viền (hiệu ứng cấp dư lớn tạo ra sóng nổi trên bề mặt); hiệu ứng gút (có sợi gút mềm, tạo ra từ chính sợi chính; sợi gút cài, sợi phụ hiệu ứng; sợi gút chèn, đưa thêm sợi vào những đoạn nhất định); hiệu ứng nụ, nốt nhỏ (các nụ, nốt nhỏ, cúc, sợi hiệu ứng cấp dư trong khoảng cách nhỏ tạo thành các nút trên sợi); hiệu ứng nổi vòng (hiệu ứng cấp dư tạo thành các vòng sợi nổi trên sợi nền); hiệu ứng bọc (hiệu ứng sợi hiệu ứng bọc quanh sợi nền); hiệu ứng viền tua xích (hiệu ứng tạo thành các viền, tua xích trên thân sợi nền) và hiệu ứng thắt nút rời (hiệu ứng nhờ các độ xoắn lớn khác biệt, hiệu ứng tạo thành các đoạn thừa ra trên chính sợi chính như hình xương cá). Tất cả các hiệu ứng và quy trình sản xuất trên đều được lập trình sẵn trên các loại máy móc thiết bị của công ty. Trong quá trình sản xuất công ty không xử dụng các hoá chất độc hại nguy hiểm, gây ảnh hưởng đến môi trường, cũng như không tiến hành hoạt động nhuộm, tẩy, in... sợi (vì màu sắc, chủng loại, chất liệu... sợi nguyên liệu đều được mua từ các đối tác uy tín). Tùy theo đơn đặt hàng và nhu cầu, bộ phận sản xuất sẽ tạo ra các loại sợi kiểu phù hợp dựa trên các hiệu ứng và quy trình sản xuất trên. Sau khi sợi được tạo thành, sẽ tiến hành loại bỏ các xơ sợi, cắt bỏ đoạn sợi thừa.

+ Kiểm tra trước khi đóng gói:

Đây là khâu kiểm tra sản phẩm cuối cùng, trước khi đóng gói và đem đi tiêu thụ. Tất cả các sản phẩm không đạt yêu cầu, bị hư hay các lỗi mà nhân viên kiểm tra ở các khâu trước không phát hiện ra đều bị loại bỏ và trở thành phế phẩm. Đồng thời kiểm tra sản phẩm có đạt tiêu chuẩn xuất ra thị trường hay không.

+ Đóng gói thành phẩm:

Sau khi kiểm tra chất lượng, sản phẩm được đóng gói. Khi đóng gói thành phẩm phải tuân theo quy định của khách hàng về phương thức đóng gói. Kiểm tra hàng trước khi đóng gói. Đảm bảo không có sai sót trước khi đem đi tiêu thụ.

+ Kiểm hàng và nhập kho:

Hàng được kiểm tra về quy cách đóng gói, số lượng trước khi nhập kho.

+ Vận chuyển tiêu thụ:

Hàng từ kho sản phẩm được đem đi tiêu thụ ngoài thị trường.

3.3. Sản phẩm của dự án

Sản xuất sợi, vải dệt thô (không tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may)

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án

4.1. Nguyên liệu

Nguyên liệu chủ yếu là sợi, chỉ dệt và các phụ liệu khác được nhập từ nhà sản xuất trong nước (Việt Nam), một số sẽ được nhập khẩu tại một số quốc gia như Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc,...

Bảng 1.1. Khối lượng nguyên liệu sản xuất trong một năm

STT	Danh mục	ĐVT	Khối lượng
1	Sợi	Tấn/năm	1.300
2	Chỉ dệt	Cuộn/năm	18.000
3	Các phụ liệu khác	Kg/năm	400

4.2. Nhiên liệu

Bảng 1.2. Khối lượng nhiên liệu sử dụng vệ sinh máy dệt

STT	Danh mục	ĐVT	Khối lượng
1	Dầu tra máy dệt	Lít/năm	370
2	Chất làm sạch dầu mỡ cho máy dệt	Lít/năm	240
3	Crazy Clean – vệ sinh máy	Lít/năm	220

- Khối lượng nhiên liệu dầu DO sử dụng là 31kg dầu /h

4.3. Nhu cầu sử dụng điện

- Nguồn cung cấp: được lấy từ lưới điện hạ thế của CCN.

- Để đề phòng sự cố mất điện, nhà máy sẽ bố trí một 1 máy phát điện dự phòng với công suất 100 KVA để phục vụ cho 1 số vị trí cần thiết.

- Khối lượng điện tiêu thụ khoảng 100.000 KW/ngày.

4.4. Nhu cầu sử dụng nước

- Nguồn cung cấp nước: Sử dụng nước cấp thủy cục của CCN.

- Lưu lượng dự kiến sử dụng nước: chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt, không phát sinh nước thải sản xuất.

+ Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt:

$$Q_{sh} = (q \times N \times K)/1000 = (25 \times 300)/1000 = 7,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm.}$$

Trong đó:

q: Tiêu chuẩn dùng nước, q = 25 lít/người/ngày.đêm

N: Số CBCNV, N = 300 người

+ Nhu cầu nước dùng cho tưới cây, rửa đường và nhu cầu khác:

$$Q_{khác} = 2 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

=> Tổng khối lượng nước dùng cho sinh hoạt và các hoạt động khác:

$$Q = 7,5 + 2 = 9,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án:

5.1. Các hạng mục công trình xây dựng của dự án:

Nhà máy sản xuất sản phẩm từ sợi Hitex.one Vina của Công ty TNHH HITEK.ONE VINA có địa chỉ tại Lô A/A1 CCN Hà Lam-Chợ Được, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Diện tích xây dựng là 21.242 m². Ranh giới tiếp giáp được xác định như sau:

+ Phía Đông: Giáp đường chính của CCN.

+ Phía Tây: Giáp Công ty TNHH Phước Thái.

+ Phía Nam: Giáp với Công ty CP Kim Long Vũ.

+ Phía Bắc: Giáp với lô A/A1

Có các hạng mục như sau:

Bảng 1.3. Các hạng mục công trình xây dựng

TT	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)
1	Xưởng 1	3.315
2	Xưởng 2	13.560
3	Nhà văn phòng	191,5
4	Nhà bảo vệ	22
5	Bãi để xe máy	150
6	Bể chứa nước+trạm bơm	100
7	Bể xử lý nước thải	30
8	Cột cờ	3
9	Nhà vệ sinh	43,2
10	Trạm biến áp, phòng điện	21
11	Nhà ăn	180
12	Đất cây xanh (cảnh quan)	1.285,3
13	Đất giao thông nội bộ	2.341
	Tổng	21.242

5.2. Máy móc, thiết bị của dự án:

- Máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất tại nhà máy được tổng hợp tại các bảng sau:

Bảng 1.4. Máy móc, thiết bị tại dự án.

STT	Tên thiết bị	Xuất xứ	Số lượng
1	OZEKI TECHNO MACHINE	Nhật	5
2	HAI-TAG TAM MACHINE	Hàn Quốc	2
3	COMEZ MACHINE	Nhật	26
4	RIGID MACHINE	Hàn Quốc	3
5	COMPRESSOR MACHINE	Hàn Quốc	3
6	INTER MACHINE	Ý	3

5.3. Nhu cầu về nhân lực và chế độ làm việc của dự án:

5.3.1. Nhu cầu về nhân lực

- Nhu cầu lao động của dự án là 300 người, cụ thể:

+ Số lượng công nhân và nhân viên: 290 người

+ Số lượng cán bộ quản lý: 10 người

5.3.1. Chế độ làm việc

- Số ngày làm việc trong năm: 238-242 ngày
- Số giờ làm việc trong ngày: 8-10 giờ

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

- Nhà máy sản xuất sản phẩm từ sợi Hitex.one Vina do Công ty TNHH HITEK.ONE VINA làm chủ đầu tư, được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Nam nhận cấp giấy đăng ký đầu tư số 7642565482, chứng nhận lần đầu ngày 23/10/2017. Nhà máy được xây dựng tại CCN Hà Lam-Chợ Được với diện tích 21.242 m².

- CCN Hà Lam-Chợ Được, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam được thành lập theo theo Quyết định số 289/QĐ-UBND tỉnh. Các ngành nghề được phép đầu tư vào CCN gồm: công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản; công nghiệp thủy tinh, sành sứ; ngành dệt may, da. Do đó loại hình hoạt động của dự án hoàn toàn phù hợp với quy hoạch ngành nghề tại CCN Hà Lam-Chợ Được.

- Nhà máy sản xuất sản phẩm từ sợi Hitex.one Vina đã tạo công ăn việc làm cho khoảng 300 lao động tại địa phương, với thu nhập bình quân từ 5 – 8 triệu đồng/người/tháng. Dự án giúp giải quyết được một lượng lao động tại địa phương, góp phần thúc đẩy, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân huyện Thăng Bình nói riêng và tỉnh Quảng Nam nói chung. Đồng thời, dự án cũng đóng góp vào nguồn ngân sách nhà nước thông qua các khoản thuế.

- Sản xuất sợi là một trong những ngành hỗ trợ quan trọng đối với ngành may mặc ở Việt Nam. Việc đầu tư nhà máy sản xuất sợi là việc làm cần thiết, để có thể phục vụ tốt cho ngành may mặc góp phần vào quá trình phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh Quảng Nam.

- Do đó, việc đầu tư nhà máy sản xuất sản phẩm từ sợi Hitex.one Vina là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch bảo vệ, phân vùng môi trường và chủ trương phát triển kinh tế tại địa phương.

2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường

a) Hệ thống thoát nước mưa, nước thải của CCN&TTCN

Hiện nay CCN Hà Lam-Chợ Được đã đầu tư hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng theo quy hoạch.

- Hệ thống cống thu gom, thoát nước mưa đã được đầu tư hoàn chỉnh trên tuyến đường chính và nhánh của CCN.

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải: CCN đã xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung nhưng chưa đi vào hoạt động.

b) Quản lý, thu gom CTR thông thường, CTNH của CCN

CCN Hà Lam-Chợ Được không xây dựng trạm trung chuyển CTR thông thường, CTNH cho toàn cụm. Do vậy, các loại CTR thông thường, CTNH phát sinh tại các cơ sở sẽ do doanh nghiệp tự thu gom, phân loại, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến vận chuyển đi xử lý theo quy định. Công ty TNHH HITEK.ONE VINA nằm trên trục đường chính của CCN nên rất thuận lợi cho việc hợp đồng vận chuyển đi xử lý các chất thải phát sinh.

c) Đặc điểm khu vực nguồn tiếp nhận nước thải

- Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án là sau khi xử lý đầu nối trực tiếp vào cống thoát nước chung của CCN nên không gây ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe của nhân dân trong khu vực. Hệ thống cống thoát nước chung của CCN được thiết kế kín dọc theo tuyến đường giao thông của CCN.

d) Hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải

Nước thải phát sinh của khu vực nguồn tiếp nhận gồm có nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt. Toàn bộ lượng nước thải của các công ty, nhà máy hoạt động tại CCN đều đổ vào hệ thống cống thoát nước chung của CCN.

Chương III

HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

- Hiện trạng môi trường: Theo kết quả phân tích mẫu các thành phần môi trường không khí các chỉ tiêu đánh giá chất lượng môi trường đều nằm trong quy chuẩn cho phép. Hiện nay môi trường khu vực thực hiện dự án chưa có dấu hiệu ô nhiễm. Kết quả quan trắc môi trường được trình bày tại phần sau của báo cáo.

+ Thực vật: Hiện tại khu vực dự án là đất trống, chủ yếu các loại cây cỏ dại.....

+ Động vật: Chủ yếu là các loại động vật như bò sát, côn trùng, gặm nhấm (kỳ nhông, cào cào, tắc kè, ếch nhái,...), không có động vật quý hiếm cần được bảo tồn.

Nhìn chung, khu vực dự án có hệ sinh vật không đa dạng và có giá trị kinh tế thấp.

2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

Nước thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của dự án không phát sinh nước thải sản xuất chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh của cán bộ công nhân viên tại nhà máy với lưu lượng tính toán $7,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy sau đó đổ vào cống thoát nước chung của CCN.

Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng nhà máy được thu gom vào hệ thống cống thoát nước của nhà máy sau đó đưa về hố ga để lắng cặn và thoát ra cống thoát nước của CCN.

Hiện tại CCN đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung nhưng chưa hoạt động, toàn bộ nước thải phát sinh của các nhà máy trong CCN do chủ đầu tư tự xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án

3.1. Môi trường không khí

- Thời điểm lấy mẫu: 5/7/2023

- Vị trí lấy mẫu: Mẫu không khí tại khu vực cổng ra vào dự án

Bảng 3.1. Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí

TT	Thông số	ĐVT	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	32,6	-
2	Độ ẩm	%	48	-
3	Tốc độ gió	m/s	Lặng	-
4	Tiếng ồn	dBA	64,2	70*
5	Bụi lơ lửng	mg/m^3	0,22	0,3
6	NO_2	mg/m^3	0,065	0,2
7	CO	mg/m^3	6,82	30
8	SO_2	mg/m^3	0,06	0,35

Ghi chú:

- (-): Không quy định
- QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
- (*): QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- Điều kiện thời tiết khi lấy mẫu: trời nắng, đứng gió

Theo phiếu kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí tại khu vực thực hiện Dự án cho thấy nồng độ các thông số so với Quy chuẩn Việt Nam QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn đều nằm trong giới hạn cho phép. Như vậy, tại khu vực thực hiện Dự án và khu vực lân cận chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm môi trường không khí.

Chương IV

ĐỀ XUẤT CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

1.1. Công trình, biện pháp xử lý nước thải phát sinh

- Nguồn phát sinh:

* *Nước thải xây dựng*: gồm nước rỉ từ hỗn hợp bê tông, vữa xi măng, nước thất thoát khi phun giữ ẩm vật liệu xây dựng, nước rửa dụng cụ thi công, thùng trộn bê tông sau mỗi ngày làm việc, nước vệ sinh công trình,... Thành phần nước thải xây dựng thường có tính kiềm, độ đục cao, chứa nhiều đất, cát, xi măng, vụn bê tông và các tạp chất lơ lửng khác. Lượng nước thải phát sinh khoảng 1 m³/ngày.

* *Nước thải sinh hoạt*: phát sinh do hoạt động vệ sinh cá nhân, rửa tay, rửa mặt của công nhân. Lượng nước thải sinh hoạt ước tính bằng 100% nhu cầu sử dụng nước. Với quy mô của dự án, số lượng công nhân cao nhất khoảng 20 người. Lượng nước thải sinh hoạt trong phát sinh: $Q = 20 \text{ người} \times 25 \text{ lit/người} \times 100\% = 0,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Nồng độ ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt trong giai đoạn thi công như sau:

Bảng 4.1. Tải lượng, nồng độ các chất ô nhiễm NTSH trong giai đoạn thi công.

TT	Thông số	Hệ số phát thải (g/người.ngày) ¹	Nồng độ (mg/l)	QCVN 14:2008/BTNMT ² (cột B, K = 1,2)
1	TSS	70 – 145	156 – 322	120
2	BOD ₅	45 – 54	100 – 120	60
3	COD	72 – 102	160 – 227	-
4	Amoni	2,4 – 4,8	5 – 11	12
5	Dầu mỡ	10 – 30	22 – 67	24

So sánh với QCVN 14:2008/BTNMT, nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt đều vượt nhiều lần. Nếu không có biện pháp thu gom và xử lý thích hợp trước khi thải ra môi trường thì đây sẽ là nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nước ngầm, môi trường đất trong khu vực.

¹ Tham khảo TCVN 7957:2008/BTNMT

² QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B: áp dụng trong trường hợp xả nước thải vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt).

* *Nước mưa chảy tràn*: Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án cuốn theo đất, đá, cát, rác, cặn dầu mỡ,... Các nguồn thải này sẽ gây tác động đến môi trường nếu không được thu gom, xử lý.

Lưu lượng nước mưa chảy tràn được tính toán dựa theo công thức:

$$Q_{TB} = 0,278.K.I.F \text{ (m}^3\text{/tháng mùa mưa)}$$

Trong đó:

- K - Hệ số dòng chảy ($k = 0,7$).

- I - Cường độ mưa (mm/tháng). Căn cứ vào số liệu lượng nước mưa trong các năm 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, lượng mưa trung bình trong 1 tháng mùa mưa là 212 mm/tháng.

- F - Diện tích tính toán = 21.242 m²

Vậy: $Q_{TB} = 0,278 \times 0,7 \times 212 \times 10^{-3} \times 21.242 = 876 \text{ m}^3\text{/tháng mùa mưa}$.

Về nồng độ: Nước mưa chảy tràn có bản chất tương đối sạch. Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO), nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa như sau:

Tổng Nitơ	: 0,5-1,5 mg/l;
Tổng Photpho	: 0,004-0,03 mg/l;
COD	: 10-20 mg/l;
TSS	: 10-20 mg/l;

* Phạm vi tác động: khu vực dự án

* Đối tượng bị tác động:

Môi trường đất, môi trường nước ngầm khu vực dự án.

Công nhân thi công dự án.

- Đánh giá tác động:

- Nước thải xây dựng có thành phần ô nhiễm chủ yếu là các chất dễ lắng, tro với môi trường nên tác động không đáng kể đến môi trường xung quanh.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh tuy không nhiều nhưng chứa hàm lượng cao các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng, chất lơ lửng và sinh vật gây bệnh, nếu không có biện pháp thu gom hợp lý sẽ gây tác động xấu đến môi trường nước và đất. Tuy nhiên, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn thi công không lớn, nguồn tác động này chỉ mang tính tạm thời nên tác động không đáng kể đến chất lượng môi trường, chủ yếu chỉ gây mất vệ sinh và có thể ảnh hưởng đến sức

khỏe công nhân (gây ra các bệnh về đường tiêu hóa, nhất là tiêu chảy do nhiễm khuẩn).

- Nước mưa chảy tràn: Trong những ngày đang thi công, nước mưa chảy tràn sẽ bị nhiễm bẩn do cuốn trôi các chất thải xây dựng rơi vãi trên mặt bằng công trường. Nước mưa chảy tràn mang theo các thành phần ô nhiễm, chủ yếu là cặn lắng phát tán ra môi trường đất bên ngoài công trường.

- Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường:

** Nước thải xây dựng:*

- Sử dụng tiết kiệm có hiệu quả lượng nước tưới, trộn vữa, rửa vật liệu.

- Tuyên truyền, vận động công nhân thi công tại công trường có ý thức giữ gìn vệ sinh chung, không vứt rác bừa bãi gây tắc nghẽn các rãnh thoát nước khu vực.

- Tại các khu vực: rửa vật liệu, dụng cụ thi công, trộn bê tông... tiến hành đào hố lắng (1,5m x 1m x 1m) để thu gom nước thải xây dựng, không cho chảy tràn ra bề mặt dự án, nước sau khi lắng được dẫn ra mương thoát nước mưa.

- Xe vận chuyển nguyên vật liệu được rửa bánh xe trước khi ra khỏi khu vực dự án để không chế bụi cuốn lên từ mặt đường. Đồng thời cử nhân viên quét dọn thu gom bụi trước cổng ra vào dự án. Tổ chức cầu rửa xe ở trước cổng công trường ra vào dự án, nguồn nước thi công và rửa bánh xe sẽ lấy từ nguồn nước ngầm khoảng 1 – 2 m³/ngày. Lượng nước rửa bánh xe sẽ được thu gom lắng cặn, bùn đất và tuần hoàn sử dụng tiếp trong công tác rửa bánh xe. Toàn bộ lượng bùn cặn chủ yếu là bùn đất sẽ được thu gom xử lý theo đúng quy định.

** Nước thải sinh hoạt:*

- Ưu tiên tuyển dụng công nhân trong khu vực, có điều kiện tự túc ăn ở, nhằm giảm bớt lượng lao động lưu trú qua đêm, qua đó giảm lượng nước thải sinh hoạt và hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường. Tổ chức hợp lý nhân lực trong giai đoạn thi công.

- Lập khu lán trại bằng tôn và xà gồ để công nhân lưu trú tại công trường, tại đây sẽ sử dụng 1 nhà vệ sinh di động để thu gom nước vệ sinh, nước sinh hoạt của công nhân. Nhà vệ sinh di động được bố trí hợp lý, thuận lợi trên mặt bằng công trường. Sau khi thi công xây dựng dự án xong, nhà vệ sinh di động sẽ được tháo dỡ, lượng bùn cặn sẽ được hợp đồng với đơn vị chức năng đến hút và mang đi xử lý theo quy định.

- Ban hành nội quy nghiêm cấm phóng uế bừa bãi tại khu vực xây dựng.

** Nước mưa chảy tràn:*

- Các biện pháp kỹ thuật:

Đào các mương, rãnh thu gom, thoát nước mưa tạm thời cơ bản bám theo quy hoạch mạng lưới thu gom, thoát nước mưa của dự án để có thể kết hợp thuận lợi với kế hoạch xây dựng hệ thống thoát nước mưa sau này. Trên mương, rãnh thu nước mưa tạm thời cũng có đào các hố ga để lắng đất, cát,....

- Các biện pháp quản lý:

+ Tiến hành lu lèn chặt bề mặt ngay sau khi san lấp mặt bằng để hạn chế bị nước mưa cuốn trôi.

+ Tổ chức dọn vệ sinh khu vực thi công sau mỗi ngày làm việc, không để vật liệu bừa bãi trên mặt đất.

+ Trong quá trình sửa chữa máy móc thiết bị, dầu nhớt sẽ được thu gom triệt để, không để rơi vãi hoặc đổ tuý tiện trên mặt bằng khu vực.

+ Tập kết đất cát, nguyên vật liệu xây dựng gọn gàng, chất đống để hạn chế trôi trượt ra xung quanh.

1.2. Công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh và khối lượng: Trong giai đoạn này chất thải rắn phát sinh từ các nguồn sau:

+ *Chất thải rắn sinh hoạt:* của cán bộ công nhân thi công tại dự án. Thành phần các CTR bao gồm các chất thải hữu cơ (thức ăn, rau quả thừa,...), các chất thải vô cơ (giấy vụn, carton, vỏ đồ hộp, bao bì, chai lọ,...). Theo QCXDVN 01:2008/BXD, định mức phát thải hằng ngày của một người là 0,5 kg/người/ngày tính theo thời gian phát thải 8 giờ. Với tổng số công nhân viên làm việc trong giai đoạn này khoảng 20 người, thì lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trung bình mỗi ngày là: $0,5 \text{ kg/người/ngày} \times 20 \text{ người} = 10 \text{ kg/ngày}$. Thành phần CTR sinh hoạt chứa hàm lượng cao các chất hữu cơ dễ bị phân hủy sinh học, nếu không có biện pháp thu gom và xử lý kịp thời sẽ làm phát sinh mùi hôi thối khó chịu, đồng thời thu hút ruồi, muỗi, côn trùng lây truyền dịch bệnh cho công nhân, đặc biệt vào mùa hè khi các loại dịch bệnh có điều kiện bùng phát mạnh.

+ *Chất thải rắn xây dựng:* bao gồm đất đào để thi công hố móng, các loại phế thải trong xây dựng như đá, gạch vỡ, bao bì xi măng, sắt thép vụn,... Khối lượng thải không nhiều (ước tính khoảng 100kg/ngày) do phần lớn được tận dụng lại hoặc bán phế liệu. Nhìn chung, các phế thải xây dựng thuộc loại trơ với môi

trường, phát sinh không nhiều và phần lớn có thể tái sử dụng hoặc bán phế liệu nên tác động đến môi trường không đáng kể. Tuy nhiên, nếu không có biện pháp thu gom hợp lý thì chất thải rắn xây dựng sẽ gây cản trở hoạt động thi công dự án, đồng thời có thể gây phát tán bụi làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí tại công trường.

+ *Chất thải nguy hại*: chất thải nguy hại phát sinh tại công trường không thường xuyên, chỉ phát sinh khi máy móc, thiết bị đang hoạt động tại công trường gặp sự cố, hỏng hóc cần được sửa chữa ngay để tiếp tục thi công. Việc bảo trì, bảo dưỡng các phương tiện vận thi công, máy móc, thiết bị được thực hiện tại các trạm sửa chữa trên địa bàn huyện Thăng Bình, do đó hạn chế tối đa lượng chất thải nguy hại phát sinh. Ước tính, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại công trường khoảng 1 kg/ngày, bao gồm: Dầu mỡ thải từ quá trình sửa chữa từ các phương tiện vận chuyển và thi công bị hư hỏng ngay tại công trường. Giẻ lau dính dầu mỡ, phụ tùng hư hỏng dính dầu mỡ,....

- Đánh giá tác động:

- Chất thải rắn sinh hoạt chứa hàm lượng cao các chất hữu cơ dễ bị phân hủy sinh học, nếu không có biện pháp thu gom và xử lý kịp thời sẽ làm phát sinh mùi hôi thối khó chịu, đồng thời thu hút ruồi, muỗi, côn trùng lây truyền bệnh cho công nhân, đặc biệt vào mùa hè khi các loại dịch bệnh có điều kiện bùng phát mạnh.

- Các CTR phát sinh trong quá trình xây dựng là các chất tro với môi trường, phần lớn chủ yếu là các phế thải xây dựng đều có thể tái sử dụng hoặc bán phế liệu để tái chế nên lượng thải ra môi trường không lớn, tác động không đáng kể. CTR xây dựng thường mang nhiều đất cát làm phát tán bụi gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí tại công trường hoặc cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn ra khu vực xung quanh gây mất mỹ quan.

- Các CTNH gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường nếu không được thu gom và xử lý. Tuy nhiên, do khối lượng thải ít nên chỉ gây tác động cục bộ tại vị trí xả thải và vị trí tập kết, lưu giữ tạm thời trước khi đưa đi xử lý, gây ô nhiễm môi trường đất, nếu thấm lâu ngày sẽ ảnh hưởng đến nước ngầm tầng nông.

- Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường:

* *Chất thải rắn sinh hoạt*: Bố trí các thùng rác để thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Bố trí nhân viên thu gom, quét dọn mỗi ngày thi công. Đưa toàn bộ rác thải ra điểm tập kết rác tại khu vực. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom CTR sinh hoạt định kỳ.

** Chất thải rắn xây dựng:*

- Đất đào để thi công hố móng và hạ tầng kỹ thuật một phần được đắp trở lại hố móng, lượng đất đào dư được vận chuyển để trong khu vực dự án.

- Sắt thép vụn, bao bì xi măng được thu gom để bán phế liệu.

- Đất, đá, gạch vỡ, xà bần một phần sẽ cho người dân trong khu vực có nhu cầu sử dụng để gia cố, san lấp mặt bằng, phần còn lại sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến vận chuyển đi đổ thải theo đúng quy định

- Đối với lượng sinh khối phát sinh, một phần bán lại cho các đơn vị, hộ gia đình có nhu cầu sử dụng, một phần cho người dân, công nhân thi công xây dựng tận thu làm nguồn củi đốt.

- Những chất thải còn lại không tận dụng được đơn vị thi công sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom.

Ngoài ra, để hạn chế tối đa phế thải phát sinh trong thi công, Chủ đầu tư sẽ tính toán sử dụng vật tư hợp lý, đồng thời thắt chặt công tác quản lý, giám sát công trình.

- Bố trí công nhân thu gom rác thải xây dựng hằng ngày tập kết về khu vực quy định tại công trường. Đồng thời, thường xuyên theo dõi, nhắc nhở công nhân có ý thức tiết kiệm, không sử dụng vật liệu, vật tư xây dựng một cách lãng phí làm gia tăng lượng rác thải.

Bố trí người thu gom rác thải và dọn vệ sinh trên công trường; Sắt thép vụn, bao bì xi măng được thu gom để bán phế liệu; Những chất thải còn lại không tận dụng được Chủ đầu tư sẽ bố trí công nhân thu gom hằng ngày và bỏ tại các điểm tập kết rác tại khu vực; Ngoài ra, để hạn chế tối đa phế thải phát sinh trong thi công, Chủ đầu tư sẽ tính toán sử dụng vật tư hợp lý, đồng thời thắt chặt công tác quản lý, giám sát công trình.

** Chất thải rắn xây dựng:*

Chủ đầu tư sẽ đưa vào hợp đồng thầu khoán để ràng buộc đơn vị thi công thực hiện. Trong đó, chủ đầu tư yêu cầu đơn vị thi công tổ chức thu gom riêng các CTNH phát sinh trên công trường chứa trong các vật dụng phù hợp, cụ thể:

+ Dầu mỡ thải: thu gom vào can nhựa có nắp đậy, có ký hiệu nhận biết CTNH.

+ Các CTNH ở dạng rắn như giẻ lau, phụ tùng hư hỏng dính dầu mỡ...sẽ thu gom vào các túi ni lông buộc kín miệng cho từng loại CTNH.

Chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị thu gom CTNH có chức năng đến vận

chuyển đi xử lý theo quy định Thông tư 02/2022/TT-BVMT Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT.

1.3. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

- Nguồn phát sinh:

+ *Khí thải phát sinh do vận chuyển vật liệu xây dựng:* Hoạt động vận chuyển vật liệu, thiết bị làm phát sinh bụi đất (do cuốn lên từ nền đường) và các khí thải độc hại như bụi khói, SO_x, NO_x, CO,... (do quá trình đốt cháy nhiên liệu của phương tiện vận chuyển) trên các tuyến đường vận chuyển đi qua. Số xe vận chuyển vật liệu, thiết bị xây dựng vào ngày cao điểm ước tính khoảng 7 chuyến/ngày.

+ Khí thải từ hoạt động của các máy móc, phương tiện, thiết bị thi công: Tại công trường, các máy móc thiết bị hoạt động bao gồm máy đào, máy ủi, máy xúc, máy đầm, máy trộn bê tông, xe tải nhỏ,... Các hạng mục công trình được thi công khoảng 10 tháng. Lượng dầu DO tiêu thụ khoảng 400 lít/ngày.

** Tính toán tải lượng và nồng độ bụi, khí thải:*

Theo tài liệu tập huấn kỹ năng thẩm định ĐTM và cam kết bảo vệ môi trường năm 2008 của PGS Nguyễn Quỳnh Hương và GS Đặng Kim Chi biên soạn, khối lượng không khí lý thuyết cần thiết để đốt cháy hoàn toàn 1kg dầu Diezen (L₀) là:

$$L_0 = 11,59C + 34,78 \times (H - O_2/8) + 4,34S$$

Giả sử trong quá trình vận hành các động cơ sử dụng dầu Diezen có hàm lượng như sau:

Bảng 4.2. Hàm lượng các nguyên tố hóa học trong dầu Diezen.

C(%)	H2(%)	S(%)	O2(%)	Thành phần khác (%)
85,7	10,5	0,05	0,92	2,83

Nồng độ các chất ô nhiễm từ các phương tiện thi công cơ giới được tính toán tại bảng sau:

Bảng 4.3. Tải lượng và nồng độ ô nhiễm do phương tiện thi công cơ giới

Các chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/chất ô nhiễm/tấn dầu) ³	Tải lượng (g/s)	Nồng độ (mg/m ³)	QCVN 05:2013/BTNMT (TB 1 giờ)
Bụi	0,28	0,005	0,0012	0,3
SO ₂	20S	0,019	8,6x10 ⁻⁰⁶	0,35
NO _x	2,84	0,055	2,5x10 ⁻⁰⁵	0,2
CO	0,71	0,013	6,15x10 ⁻⁰⁶	30
VOC	0,035	0,0006	3,0x10 ⁻⁰⁷	-

Nhận xét: Kết quả tính toán trên cho ta thấy ảnh hưởng của bụi và các chất khí độc hại từ quá trình vận chuyển đất san nền, nguyên vật liệu thi công, hoạt động của các phương tiện thi công trên công trường rất nhỏ, gây tác động không lớn đến các khu vực xung quanh.

- *Đánh giá tác động:* Bụi phát sinh trong quá trình xây dựng ảnh hưởng chủ yếu đến môi trường không khí tại công trường. Tuy nhiên, khu vực dự án có không gian thoáng rộng nên tác động này không đáng kể.

Theo tính toán lý thuyết, nồng độ khí thải phát sinh thấp hơn so với quy chuẩn 05:2013/BTNMT.

- Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường:

** Giảm thiểu bụi do quá trình thi công*

Để hạn chế tác động của bụi từ công trường thi công ra khu vực xung quanh, Chủ đầu tư sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Che chắn bằng tôn dọc ranh giới các tuyến đường hiện hữu (cao tối thiểu 2m) hoặc xây dựng tường rào công trình trước khi thi công để hạn chế phát tán bụi, khí thải và cả tiếng ồn ra khu vực xung quanh;

- Thu gom quét dọn đất cát dính trên mặt đường vào khu vực Dự án.

- San lấp đến đâu lu lèn đến đó để tăng độ gắn kết của các thành phần trong đất, nhờ đó hạn chế được lượng bụi phát tán từ mặt đất bị cày xới.

** Giảm thiểu tác động trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng*

- Lập kế hoạch cung ứng vật tư phù hợp với tiến độ thi công để hạn chế tập trung nhiều xe một lúc trên các tuyến đường, đồng thời vận chuyển nguyên vật liệu tránh các giờ cao điểm (từ 07h00 đến 09h00; từ 11h00 đến 12h00; từ 16h00

đến 06h00).; Vận chuyển nguyên vật liệu đúng trọng tải quy định.

- Dùng bạt che phủ kín khi vận chuyển nguyên vật liệu, vật tư xây dựng nhằm giảm thiểu bụi phát sinh do rơi vãi vật liệu trên đường.

- Sử dụng xe phun nước vào những tháng thời tiết nóng, khô hanh 2 lần/ngày; Phun nước tại khu vực cổng, tuyến đường giao thông chính vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng.

- Các phương tiện vận chuyển hạn chế nổ máy trong thời gian chờ bốc dỡ nguyên vật liệu, xe không chờ quá tải trọng quy định của nhà sản xuất.

- Kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ phương tiện vận tải.

- Vệ sinh, quét dọn khu vực thi công sau mỗi ngày làm việc, khu vực cổng ra vào và đoạn đường tiếp giáp với công dự án.

- Trang bị bảo hộ lao động cá nhân cho công nhân làm việc tại công trường để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi tới sức khỏe.

** Giảm thiểu khí thải từ hoạt động của máy móc thi công, phương tiện vận chuyển và thảm nhựa đường giao thông*

- Vận hành máy móc, thiết bị đúng quy trình kỹ thuật, hoạt động đúng công suất.

- Sử dụng nhiên liệu có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng cho phép.

- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo dưỡng các máy móc, thiết bị thi công đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trước khi đưa vào vận hành.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ cho công nhân như kính, quần áo bảo hộ, khẩu trang, găng tay, ủng,... để bảo vệ các cơ quan như thị giác, hô hấp, bề mặt da.

- Khi tiến hành trải thảm nhựa đường, yêu cầu công nhân sử dụng thiết bị bảo hộ lao động thường xuyên, thực hiện công việc nhanh gọn.

1.4. Công trình, biện pháp xử lý giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh:

Mức ồn phát sinh từ các máy móc, thiết bị thi công được trình bày tại bảng 4.4.

Bảng 4.4. Mức ồn của các máy móc, thiết bị trong thi công⁴

TT	Máy móc, thiết bị	Mức ồn (dB) (đo cách nguồn 15m)	QCVN 24:2016/BYT ⁵ (dBA)
1	Xe tải	83-94	85
2	Xe đào bánh lốp	72-84	
3	Máy ủi	80	
4	Xe lu	73-75	
5	Máy đầm cóc	72-84	
6	Máy đầm bàn	74-77	
7	Máy trộn bê tông	81-84	
8	Xe cẩu 16T	75-77	
9	Máy hàn điện	71-82	
10	Máy cắt thép	75	
11	Bơm nước	73	

Sử dụng giá trị mức ồn cực đại nêu tại bảng 1.20 để dự báo mức lan truyền tiếng ồn ra khu vực xung quanh của các máy móc có mức ồn lớn (máy đào, máy đầm, máy trộn bê tông, máy xúc, ô tô tải). Kết quả tính toán độ giảm tiếng ồn theo khoảng cách được trình bày trong bảng 1.21. Công thức tính mức lan truyền độ ồn như sau⁶:

$$\otimes L = 20.lg \left(\frac{r_2}{r_1} \right)^{1+a}$$

Trong đó:

$\otimes L$ – Mức chênh lệch độ ồn (dB);

r_1 – Khoảng cách từ vị trí đo đến nguồn ồn (m);

r_2 – Khoảng cách từ điểm khảo sát đến nguồn ồn (m);

⁴ Nguồn: Ủy ban bảo vệ môi trường U.S, 1971.

⁵ QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, áp dụng khi thời gian tiếp xúc với tiếng ồn trong ngày không quá 8h.

⁶ Nguồn: Phạm Ngọc Đăng, 1997.

a – Hệ số kể đến ảnh hưởng hấp thụ tiếng ồn của địa hình mặt đất (đối với mặt đất trồng cỏ thì $a = 0,1$).

Bảng 4.5. Cường độ tiếng ồn theo khoảng cách.

TT	Hoạt động	Độ ồn theo khoảng cách (dB)				QCVN 26:2010/BTNMT ⁷
		15m	30m	65m	80m	
1	Máy đào	84	77	70	68	70
2	Máy đầm	84	77	70	68	
3	Máy trộn bê tông	75	68	61	59	
4	Máy xúc	84	77	70	68	
5	Ô tô tải	85	78	71	69	

Như vậy, có thể thấy sau khi lan truyền trong không gian, mức cường độ âm giảm đi đáng kể theo độ tăng của khoảng cách. Phạm vi tác động của tiếng ồn do thi công và vận chuyển là dưới 80m tính từ vị trí phát sinh tiếng ồn.

Ngoài ra, các phương tiện thiết bị hoạt động trong quá trình thi công xây dựng như máy đầm, xe lu... thường tạo ra độ rung tương đối lớn.

Mức độ rung của các phương tiện máy móc trong quá trình thi công có thể biến thiên lớn phụ thuộc vào các yếu tố như chất đất lòng đường, mức độ rung phát sinh,... Độ rung sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân thi công và công trình xung quanh của người dân. Vì vậy, chủ dự án cần phải có biện pháp giảm thiểu tác động này nhằm đảm bảo sức khỏe cho công nhân cũng như an toàn cho các công trình xung quanh.

Bảng 4.6. Mức rung của một số loại phương tiện, máy móc thi công điển hình

TT	Máy móc	Mức rung (dB)		QCVN 27:2010/BTNMT (06h-21h)
		Cách nguồn 10 m	Cách nguồn 30 m	
1	Máy đào	80	71	75
2	Máy ủi	79	69	
3	Máy đầm	82	71	
4	Máy rải	52	40	

⁷ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Áp dụng cho khu vực thông thường.

5	Xe tải	74	64	
6	Xe lu	82	72	
7	Máy san	79	69	
8	Máy bơm	60	50	
9	Máy cắt	68	58	
10	Máy hàn	61	51	

(Nguồn: Âm học và kiểm tra độ rung - Nguyễn Hải - NXB Giáo dục, 1997)

Ghi chú:

QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Áp dụng đối với khu vực hoạt động xây dựng tại khu vực thông thường.

- Đánh giá tác động Tiếng ồn phát sinh từ các máy móc thiết bị phục vụ thi công xây dựng có cường độ khá lớn, một số máy móc thiết bị làm phát sinh tiếng ồn vượt TCVN 3985-1999 như máy đào, máy đầm, máy xúc... Do đó, đối với công nhân xây dựng làm việc tại khu dự án sẽ ít nhiều bị tác động bởi tiếng ồn (ảnh hưởng đến cơ quan thính giác, mất khả năng tập trung tinh thần và hiệu quả làm việc của công nhân), đây có thể là nguyên nhân gián tiếp dẫn đến các tai nạn lao động.

Đối với các nhà máy lân cận khu dự án, theo quy định của QCVN 24:2016/BYT (mức ồn cho phép tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp 85 dB), tuy nhiên tiếng ồn do thi công dự án trong phạm vi bán kính dưới 30m đã thấp hơn mức cho phép này. Do vậy, tiếng ồn từ hoạt động thi công dự án ảnh hưởng không lớn đến các nhà máy lân cận.

Các rung động phát sinh do hoạt động của hệ thống thiết bị thi công trên công trường chỉ tác động trong khu vực thi công, ảnh hưởng tới công nhân trên công trường ở khoảng cách dưới 30 m từ nguồn phát sinh.

Tuy nhiên, số lượng và thời gian hoạt động của các thiết bị có khả năng tạo độ rung lớn tại công trường là không nhiều. Vì vậy, tác động do rung động tới người dân làm việc tại khu vực xung quanh ở mức thấp.

- Biện pháp giảm thiểu:

Việc giảm thiểu tác động của tiếng ồn trong quá trình xây dựng sẽ do các đơn vị thi công thực hiện. Chủ đầu tư sẽ quán triệt đơn vị thi công thực hiện các biện pháp sau:

- Hạn chế sử dụng máy móc quá cũ và vận hành đúng công suất thiết kế.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị, thay dầu nhớt, bôi trơn động cơ,... để hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Xây dựng kế hoạch, thời gian thi công hợp lý theo tiến độ Chủ đầu tư đưa ra, hạn chế thi công vào các giờ cao điểm, nghỉ ngơi.

1.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu đến tác động kinh tế

- Nguồn gây tác động:

Trong quá trình thi công xây dựng, việc tập trung đông công nhân dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn, xung đột và tệ nạn xã hội. Tuy nhiên hầu hết lao động được tuyển dụng là người địa phương nên tác động không đáng kể. Việc xuất hiện các phương tiện có tải trọng lớn (vận chuyển đất vật liệu xây dựng) cùng với bụi phát sinh từ hoạt động vận chuyển sẽ gây cản trở giao thông (tăng nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông), ảnh hưởng đến chất lượng hạ tầng giao thông khu vực.

Bên cạnh các tác động tiêu cực trên thì việc tuyển dụng công nhân xây dựng phục vụ thi công dự án sẽ tạo cơ hội việc làm cho lao động phổ thông tại địa phương, giúp tạo nguồn thu nhập tạm thời, cải thiện đời sống người dân.

- Biện pháp bảo vệ môi trường:

**** Giảm thiểu tác động do tập trung công nhân***

Để giảm thiểu tác động do tập trung công nhân. Chủ đầu tư dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương để hạn chế tập trung công nhân từ nơi khác đến.

- Xây dựng nội quy làm việc, sinh hoạt tại công trường và quán triệt công nhân tuân theo.

- Hạn chế tối đa công nhân xây dựng không có nhiệm vụ ở qua đêm tại công trường. Có lực lượng bảo vệ công trường, không cho người không phận sự ra vào công trường.

- Tuyên truyền, giáo dục công nhân thực hiện lối sống lành mạnh, không gây mâu thuẫn dẫn đến xung đột và không tham gia vào các tệ nạn xã hội; đồng thời có biện pháp xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm.

**** Giảm thiểu tác động đến giao thông khu vực***

Lập kế hoạch mua sắm nguyên, nhiên vật liệu phù hợp với tiến độ thi công, không để vận chuyển lượng lớn nguyên vật liệu vào cùng một thời điểm để tránh làm tăng mật độ giao thông đột biến trong khu vực. Không vận chuyển vào đầu

và cuối các ca làm việc (lúc mà lượng công nhân tham gia lưu thông tăng đột biến) làm gia tăng thêm lượng phương tiện lưu thông tại khu vực. Đồng thời, yêu cầu các chủ xe khi lưu thông phải tuân thủ nghiêm chỉnh Luật An toàn giao thông đường bộ, không chạy quá tốc độ tối đa cho phép và không được chở quá tải trọng quy định.

1.6. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do các sự cố

- Nguồn gây tác động:

a. Sự cố tai nạn lao động

**** Nguyên nhân:***

- Do không đảm bảo về an toàn điện khi tiếp xúc, sử dụng hệ thống điện tạm thời trong thi công.

- Do các phương tiện, máy móc, thiết bị không đảm bảo các yêu cầu về an toàn kỹ thuật gây ngã, đổ, va đập với người lao động.

- Do công nhân lao động chưa được huấn luyện về an toàn lao động, không thực hiện đúng quy trình an toàn, không mang thiết bị bảo hộ lao động khi làm việc.

**** Mức độ ảnh hưởng:***

Tai nạn lao động gây tổn hại đến sức khỏe của công nhân (giảm khả năng lao động, gây thương tật tạm thời hay vĩnh viễn). Khả năng gây thương tật, tổn hại ở mức độ khác nhau tùy thuộc vào từng trường hợp xảy ra sự cố.

b. Sự cố cháy nổ

**** Nguyên nhân:***

- Sự cố từ hệ thống cấp điện cho thi công: Hệ thống cấp điện cho hoạt động thi công trên công trường được đấu nối tạm thời. Nếu không tính toán kỹ công suất sử dụng hoặc thiết bị điện không đảm bảo có thể xảy ra chập điện dẫn đến cháy nổ.

**** Mức độ ảnh hưởng:***

Khi xảy ra sự cố sẽ ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến tính mạng và tài sản của các đơn vị thầu thi công, đi kèm theo đó là sự phát sinh khói thải chứa bụi khói, SO₂, NO_x, CO,... gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí khu vực.

c. Sự cố thiên tai

** Nguyên nhân:*

- Sự cố do bão, gió lốc: thường gây sập đổ công trình, hư hại tài sản, nhất là khi công trình đang thi công dở dang.

- Sự cố sét đánh: thường dẫn đến sự cố cháy nổ và gây hư hỏng công trình, ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng con người.

** Mức độ ảnh hưởng:*

Khi sự cố thiên tai xảy ra, tùy mức độ có thể làm hư hỏng công trình, gây thương tật hoặc đe dọa tính mạng công nhân viên, đình trệ quá trình thi công.

d. Sự cố ùn tắc, tai nạn giao thông

Trong giai đoạn thi công dự án, số lượt xe ra vào công trường sẽ làm gia tăng mật độ giao thông tăng nguy cơ tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông trong khu vực. Khi xảy ra sự cố này sẽ gây ảnh hưởng đến khả năng lưu thông tại khu vực, nếu có tai nạn xảy ra sẽ gây thiệt hại về người và tài sản song có thể ngăn ngừa, giảm thiểu bằng cách áp dụng các biện pháp quản lý an toàn giao thông hiệu quả.

e. Sự cố ngập úng, sạt lở đất

Sự cố sạt lở có thể xảy ra do trong quá trình thi công không tuân thủ đúng thiết kế nền móng đã được duyệt nên công trình không đảm bảo sức chịu lực có thể gây ra hiện tượng sạt lở; chưa bố trí hệ thống thoát nước cho công trình nên khi thời tiết mưa lớn kéo dài cũng có thể gây ngập úng cục bộ, ảnh hưởng đến chất lượng công trình. Những sự cố này sẽ gây thiệt hại lớn về người và của.

- Biện pháp bảo vệ môi trường:

a. Phòng ngừa và ứng phó tai nạn lao động

** Biện pháp phòng ngừa*

- Xây dựng các nội quy, quy định về an toàn vệ sinh lao động và quán triệt thực hiện nghiêm túc.

- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi tổ chức thi công, vận hành các phương tiện cơ giới. Bố trí hợp lý đường vận chuyển và đi lại.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, phương tiện thi công, vận hành đúng công suất và quy trình kỹ thuật.

- Cung cấp đầy đủ và đúng chủng loại các trang thiết bị bảo hộ cho công nhân và bắt buộc công nhân phải sử dụng khi làm việc.

** Biện pháp ứng phó*

Khi có sự cố tai nạn xảy ra phải kịp thời sơ cứu, chuyển nạn nhân tới cơ sở y tế gần nhất cấp cứu và thực hiện đầy đủ chính sách với người bị nạn.

b. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

** Biện pháp phòng ngừa*

- Lắp đặt biển báo cấm lửa tại khu vực dễ gây ra cháy nổ như khu vực chứa xăng, dầu, vật tư dễ cháy nổ.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC và định kỳ kiểm tra đảm bảo các dụng cụ vẫn đang trong tình trạng hoạt động bình thường.

- Bảo quản nhiên liệu đúng quy trình, hạn chế rò rỉ, phát tán ra môi trường.

- Kho chứa nguyên, nhiên liệu tạm thời phục vụ cho thi công, máy móc, thiết bị dễ cháy sẽ được lưu giữ trong kho riêng biệt, tránh xa nguồn có khả năng phát lửa.

- Hệ thống cấp điện tạm thời cho các máy móc, thiết bị thi công phải được thiết kế đảm bảo an toàn không để xảy ra sự cố giật điện, chập điện dẫn đến cháy nổ.

** Biện pháp ứng phó*

Khi có sự cố cháy nổ xảy ra, Chủ đầu tư phối hợp nhà thầu nhanh chóng huy động lực lượng ứng cứu tại chỗ dập tắt ngay đám cháy bằng các thiết bị PCCC đã trang bị, đồng thời khoanh vùng quanh đám cháy để không lan sang các khu vực lân cận.

Khi phát hiện thấy sự cố rò rỉ nhiên liệu, Chủ đầu tư phối hợp nhà thầu nhanh chóng kiểm tra để ngăn chặn kịp thời sự cố rò rỉ, tổ chức khoanh vùng khu vực tràn dầu và thu gom lượng đất nhiễm dầu tập kết về khu chứa CTNH chờ xử lý.

c. Phòng ngừa và ứng phó sự cố thiên tai

** Biện pháp phòng ngừa:*

- Xây dựng kế hoạch thi công hợp lý, nền móng công trình sẽ tập trung thi công dứt điểm trước mùa mưa bão. Tổ chức thi công dứt điểm từng hạng mục công trình, hạn chế thi công dở dang trong mùa mưa bão.

- Xây dựng phương án phòng chống và thành lập đội phòng chống thiên tai trước mùa mưa bão để kịp thời tổ chức ứng phó.

- Tạm ngừng thi công dự án vào thời điểm mưa bão, ngập lụt diễn biến phức tạp.

** Biện pháp ứng phó:*

- Khi có dông, sét sẽ ngắt tất cả các nguồn điện, ngừng các hoạt động thi công và thông báo cho công nhân trú ẩn vào những nơi an toàn.

- Khi nhận được thông tin có thiên tai xảy ra nhanh chóng tập kết máy móc về khu vực an toàn, tổ chức chèn chống cẩn thận, dọn dẹp công trường gọn gàng và ngừng ngay việc thi công để hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản. Công việc này phải hoàn thành trước 24h khi bão đến.

- Vào mùa mưa bão, Chủ đầu tư thường xuyên liên lạc với Ban chỉ huy phòng chống bão lụt tại địa phương để cập nhật thông tin, trao đổi kinh nghiệm và phối hợp triển khai các phương án phòng chống bão lụt.

- Sau khi thiên tai xảy ra trong vòng 24h chủ đầu tư có kế hoạch tập trung mọi nguồn lực nhanh chóng tổ chức khắc phục sự cố, xử lý vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh.

d. Giải pháp chống sụt lún, ngập úng cục bộ

Việc chống sụt lún và sụt lún cho công trình được Chủ đầu tư đặc biệt quan tâm ngay trong quá trình thiết kế Dự án. Vì mỗi khi xảy ra sụt lún, sụt lún công trình sẽ gây thiệt hại lớn cho Chủ đầu tư về vấn đề kinh tế và tính mạng con người. Chủ đầu tư có biện pháp giảm thiểu hiện tượng sụt lún bằng cách gia cố nền móng vững chắc.

- Các công trình sẽ tính tới hệ số an toàn cao, theo quy định của BXD.

- Sụt lún, ngập úng cục bộ đất có thể diễn ra vào mùa mưa. Để giảm thiểu hiện tượng sụt lún, nhà thầu xây dựng sẽ áp dụng các biện pháp sau:

+ Vận chuyển bùn đất ngay khi được đào lên.

+ Công tác đầm nén nền đường (bằng máy đầm, xe lu) sẽ được thực hiện ngay khi đất, cát, đá được vận chuyển và đổ vào khu vực tôn nền.

- Để tránh hiện tượng tù đọng nước mưa gây ngập úng trong phạm vi dự án, chủ dự án ưu tiên việc giải phóng mặt bằng, san nền vào mùa khô, thi công san nền theo hình thức cuốn chiếu, cao độ san nền đảm bảo theo thiết kế đã đề ra.

2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

2.1. Công trình, biện pháp xử lý nước thải:

- Nguồn phát sinh:

** Nước thải sinh hoạt:*

Nước thải sinh hoạt: bao gồm nước thải từ nhà vệ sinh và nước rửa tay rửa mặt của các hộ gia đình. Thành phần chất ô nhiễm trong nước thải bao gồm: các chất hữu cơ, chất lơ lửng, chất dinh dưỡng (N, P) và các sinh vật gây bệnh.

Theo tính toán tại chương 1 lượng nước cấp cho nhu cầu sinh hoạt của nhà máy là 7,5 m³/ngày.đêm.

Theo điều 39 nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ, trường hợp các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải tính bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ.

Do đó, lưu lượng nước thải phát sinh 7,5 m³/ngày.đêm.

Tải lượng và nồng độ hệ số phát thải chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt khi dự án đi vào hoạt động như sau:

Bảng 4.7. Tải lượng, nồng độ phát sinh các chất ô nhiễm trong NTSH tại nhà máy.

STT	Thông số	Hệ số phát thải (g/người/ngày) ⁸	Nồng độ ô nhiễm (mg/l)	QCVN 14:2008/BTNMT (K = 1,2, Cột B) ⁹
1	BOD ₅	45 – 54	100 – 120	60
2	COD	72 – 102	160 – 227	-
3	TSS	70 – 145	156 – 322	120
4	Amoni	2,4 – 4,8	5 – 11	12
5	Dầu mỡ	10 – 30	22 – 67	24
6	Tổng N	6 – 12	13 – 27	-
7	Tổng P	0,8 – 4,0	2 – 9	-

Theo kết quả phân tích tại bảng trên cho thấy, hầu hết nồng độ các thông số ô nhiễm đều vượt giới hạn cho phép quy định tại cột B của QCVN 14:2008/BTNMT.

** Nước mưa chảy tràn*

Nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án phụ thuộc vào lượng mưa, khi mưa xuống sẽ kéo theo đất cát, bụi bẩn, các chất cặn bã, dầu mỡ rơi vãi... từ các sân bãi, đường đi, trên mái nhà,... gây ô nhiễm môi trường.

⁸ Nguồn: Assessment of Sources of Air, Water and Land Pollution, Part 1, WHO, 1993.

⁹ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B: áp dụng tương đương với trường hợp nước thải sinh hoạt thải vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. [-]: không quy định.

- Về nồng độ: Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO), nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa như sau: tổng Nitơ: $0,5 \div 1,5$ mg/l; tổng Photpho: $0,004 \div 0,03$ mg/l; COD: $10 \div 20$ mg/l; TSS: $10 \div 20$ mg/l. Nước mưa có bản chất là tương đối sạch.

- Đánh giá tác động:

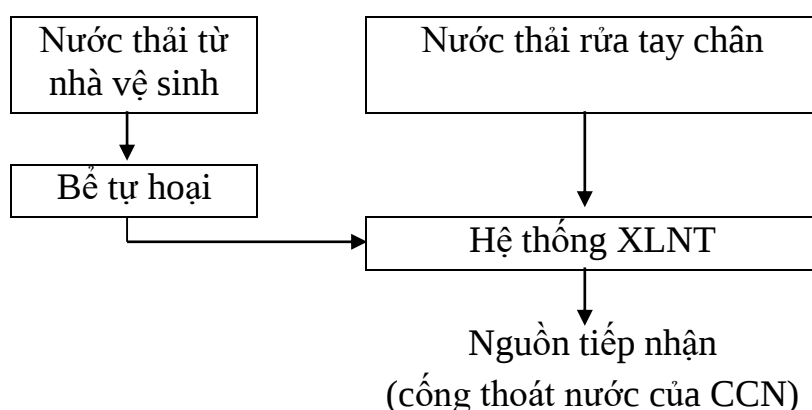
* *Nước thải sinh hoạt*: Nước thải sinh hoạt chứa thành phần các chất hữu cơ cao và các loại vi khuẩn ký sinh trong ruột người và động vật như E.Coli, Streptococcus, Samonela... Nếu không được kiểm soát tốt, nước thải sinh hoạt làm tăng nguy cơ lan truyền ô nhiễm vào nguồn nước mặt và nước ngầm xung quanh khu vực.

* *Nước mưa chảy tràn*: Nước mưa chảy tràn được đánh giá tương đối sạch nên tác động đến môi trường là không đáng kể. Tuy nhiên, nếu công tác vệ sinh môi trường tại khu dân cư không được thực hiện tốt, nước mưa sẽ cuốn trôi chất thải trên mặt đường gây ứ đọng trong hệ thống cống thoát nước mưa nội bộ dự án sẽ gây ô nhiễm, ứ đọng đất cát trên hệ thống.

- Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường

* *Nước thải sinh hoạt*

Nước thải sinh hoạt tại nhà máy (nước thải từ công trình vệ sinh, nước rửa chân tay). Tổng lượng nước thải phát sinh $7,5$ m³/ngày.đêm. Chủ đầu tư đã xây dựng hệ thống thu gom nước thải riêng biệt với hệ thống thu gom nước mưa. Xây dựng hệ thống xử lý nước thải có công suất 20 m³/ngày.đêm xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Biện pháp thu gom và xử lý như sau



* *Thuyết minh:*

(1) Nước thải từ khu nhà vệ sinh có hàm lượng chất bẩn cao, loại này được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn sau đó theo đường ống thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

(2) Nước thải từ quá trình rửa tay chân đưa về hệ thống XLNT tập trung.

- Hoạt động của bể tự hoại 03 ngăn:

Bể tự hoại, bể yếm khí là công trình xử lý kỵ khí, trong bể tự hoại đồng thời xảy ra quá trình lắng cặn, giữ cặn và lên men cặn lắng. Quá trình xử lý nước thải sinh hoạt trong bể tự hoại chủ yếu diễn ra theo các bước sau: Thủy phân các chất hữu cơ phức tạp và chất béo thành các chất hữu cơ đơn giản làm nguồn dinh dưỡng và năng lượng cho vi khuẩn. Các vi khuẩn kỵ khí sẽ thực hiện quá trình lên men các chất hữu cơ đơn giản trên và chuyển hóa chúng thành CH_4 và CO_2 .

Trong thời gian lưu nước từ 1 – 3 ngày, các chất lơ lửng lắng xuống đáy bể. Cặn lắng trong bể qua thời gian 6 – 12 tháng sẽ phân hủy kỵ khí.

Bùn cặn từ bể tự hoại sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút vận chuyển đi xử lý khi có nhu cầu.

Hiệu suất xử lý SS là 50%, COD là 30 - 45% (Theo tài liệu Trần Đức Hạ, 2002, Xử lý nước thải sinh hoạt quy mô vừa và nhỏ, NXB KH&KT, Hà Nội).

Hiệu quả xử lý của bể tự hoại 3 ngăn: Bể tự hoại có thể đưa vào sử dụng ngay sau khi xây dựng. Nó không cần một yêu cầu đặc biệt nào trước khi đưa vào vận hành. Tuy nhiên sự lên men bùn cặn phải bắt đầu sau vài ngày. Bùn cặn lên men phải được hút sau 1 đến 3 năm bể hoạt động. Tại thời điểm hút, phần bùn cặn chưa lên men nằm phía trên vì thế ống hút của máy bơm phải đặt sâu xuống đáy bể. Thông thường người ta giữ lại khoảng 20% lượng bùn cặn để "gây men" cho bùn cặn tươi đợt sau. Khi hút bùn cặn ra khỏi bể, hỗn hợp bùn cặn nước thường có BOD5 khoảng 6.000mg/l, tổng các chất rắn (TSS) khoảng 15.000 mg/l, tổng nitơ khoảng 700 mg/l (trong đó $N-NH_3$ là 400 mg/l), tổng photpho khoảng 250 mg/l và tổng dầu mỡ khoảng 8.000 mg/l. Bùn cặn đã lên men được làm khô trên sân phơi bùn, trong hầm ủ làm phân compost hoặc xử lý tiếp tục trong các bãi lọc ngập nước trồng cây phía trên.

Khi ra khỏi bể, COD của nước thải giảm từ 25% đến 50%, tổng chất rắn lơ lửng giảm từ 50-55%, các chỉ số Amoni, Photpho, nito giảm đáng kể (40%) Nồng độ các chất bẩn trong dòng nước thải ra khỏi bể tự hoại nằm ở trong giới hạn sau đây:

-BOD5: 120-140 mg/l

-Tổng các chất rắn: 50-100 mg/l

-Nitơ amoni ($N-NH_3$): 20-50 mg/l

-Nitơ nitrat ($N-NO_3$): <1 mg/l

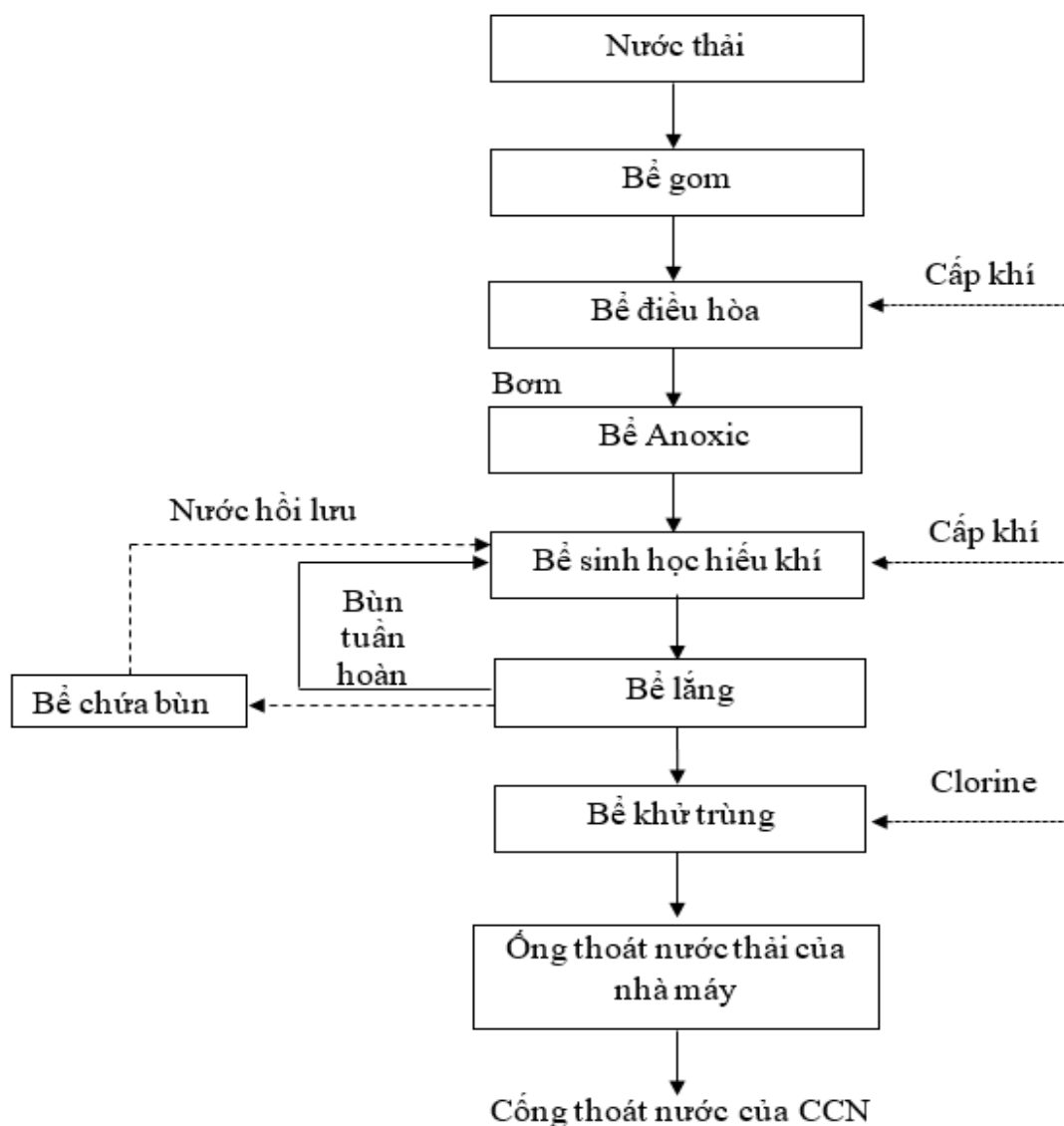
-Tổng nitơ : 25-80 mg/l

-Tổng phốt pho : 10-20 mg/l

Chủ đầu tư đã xây dựng 03 bể tự hoại có thể tích mỗi bể là 8m³.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung

Toàn bộ nước thải sau khi xử lý sơ bộ đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 20 m³/ngày.đêm. Quy trình công nghệ xử lý nước thải tập trung như sau:



Hình 4.2. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải

Thuyết minh công nghệ

- Bể gom: thu gom toàn bộ nước thải của máy.
- Bể điều hòa: Toàn bộ lượng nước thải sau bể gom sẽ được dẫn bể điều hòa, để điều hòa lưu lượng và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải.
- Bể Anoxic: Nước thải sau khi qua bể điều hòa được dẫn đến bể Anoxic. Tại đây, hàm lượng Nito, Photpho trong nước thải được xử lý.
- Bể sinh học hiếu khí: Nước thải được dẫn đến bể sinh học, tại đây hàm lượng chất hữu cơ trong nước thải sẽ được giảm đáng kể. Trong bể sinh học lắp hệ thống phân phối khí dưới đáy bể để khuấy trộn đều nước thải với lượng bùn hoạt tính, tăng cường khả năng tiếp xúc giữa vi sinh vật và nước thải.

- Bể lắng: Nước thải sau khi qua bể sinh học sẽ được đưa về bể lắng để tách bùn cặn. Nước thải sau khi qua bể lắng sẽ qua bể khử trùng sau đó được bơm theo đường ống PVC D114 đổ ra cống thoát nước chung của CCN (bơm tự động).

Bùn sau khi qua bể lắng một phần sẽ được tuần hoàn về bể sinh học hiếu khí, nhằm bổ sung lượng bùn hoạt tính tại bể aerotank tăng cường quá trình xử lý các hợp chất hữu cơ có trong nước thải, phần còn lại sẽ được dẫn đến bể chứa bùn. Định kỳ 3 tháng/lần lượng bùn cặn trong bể chứa bùn sẽ được hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, thu gom và xử lý theo quy định. Nước từ bể chứa bùn được hồi lưu quay về bể sinh học để tiếp tục xử lý.

Kích thước hệ thống xử lý nước thải như sau:

Bảng 4.8. Kích thước công trình hệ thống xử lý nước thải

STT	Tên thông số	Ký hiệu	Đơn vị	Số liệu
A	<i>Bể thu gom</i>			
1	Thể tích hữu ích bể	LxBxH	m ³	2,25
2	Chiều dài bể	L	m	0,9
3	Chiều rộng bể	B	m	1
4	Chiều cao bể	H	m	2,5
5	Số đơn nguyên	n	bể	1
B	<i>Bể điều hòa</i>			
1	Thể tích hữu ích bể	LxBxH	m ³	8,4
2	Chiều dài bể	L	m	2,1
3	Chiều rộng bể	B	m	1,6
4	Chiều cao bể	H	m	2,5
5	Số đơn nguyên	n	bể	1
C	<i>Bể anoxic</i>			
1	Thể tích hữu ích bể	LxBxH	m ³	4,23
2	Chiều dài bể	L	m	1,3
3	Chiều rộng bể	B	m	1,3
4	Chiều cao bể	H	m	2,5
5	Số đơn nguyên	n	bể	1
D	<i>Bể sinh học hiếu khí</i>			
1	Thể tích hữu ích của bể	LxBxH	m ³	8,13

2	Chiều dài	L	m	1,3
3	Chiều rộng	B	m	2,5
4	Chiều cao	H	m	2,5
5	Số đơn nguyên	n	bể	1
E	Bể lắng			
1	Thể tích tổng	LxBxH	m ³	4,9
2	Chiều dài	L	m	1,4
3	Chiều rộng	B	m	1,4
4	Chiều cao	H	m	2,5
5	Số đơn nguyên	n	bể	1
F	Bể khử trùng			
1	Thể tích tổng	LxBxH	m ³	1,75
2	Chiều dài	L	m	0,5
3	Chiều rộng	B	m	1,4
4	Chiều cao	H	m	2,5
5	Số đơn nguyên	n	bể	1
G	Bể chứa bùn			
1	Thể tích tổng	LxBxH	m ³	3,15
2	Chiều dài	L	m	2,1
3	Chiều rộng	B	m	0,6
4	Chiều cao	H	m	2,5
5	Số đơn nguyên	n	bể	1

Các máy móc lắp đặt trong hệ thống xử lý nước thải bao gồm:

Bảng 4.9. Danh mục, máy móc, thiết bị lắp đặt trong HTXLNT

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Số lượng
I	Bể điều hòa		
1	Phao điều khiển	Cái	1
2	Bơm chìm bể điều hòa	Cái	2
3	Dàn ống phân phối khí	Cái	1
II	Bể sinh học hiếu khí		
1	Máy thổi khí	Cái	2

2	Dàn ống phân phối khí	Cái	1
III	BỂ LẮNG		
1	Máy bơm bùn bể lắng	Cái	2
IV	BỂ KHỬ TRÙNG		
1	Bơm định lượng hóa chất	Cái	2
2	Bồn chứa hóa chất khử trùng	Cái	1
V	TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN		
1	Tủ điện điều khiển	Cái	1

b. Nước mưa chảy tràn

+ Nước mưa chảy tràn được thu gom bằng hệ thống cống thoát nước (D=30 cm và D=40cm). Nước mưa từ mái sẽ thu gom về ống thoát nước PVC D90mm đổ về cống thoát nước của nhà máy. Nước mưa sẽ qua các hố ga lắng cặn trước khi thoát ra cống thoát nước chung của CCN.

+ Các tuyến đường giao thông, nội bộ của nhà máy được bê tông hóa, đồng thời bố trí nhân viên thường xuyên quét dọn, vệ sinh nên hạn chế nước mưa cuốn theo đất đá, lá cây, bụi bẩn xuống cống thoát nước.

+ Thường xuyên nạo vét cống thu theo định kỳ để nước mưa có thể tiêu thoát một cách triệt để, không gây ứ đọng

2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

**** Bụi, khí thải từ phương tiện giao thông vận tải***

Khi dự án đi vào hoạt động ổn định sẽ tập trung một lượng phương tiện giao thông vận tải thường xuyên ra vào khu vực, trong đó chủ yếu là xe máy, ô tô của cán bộ công nhân viên, các loại xe tải xe tải vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu,...

Số lượng làm việc tại dự án khoảng 300 người, ước tính số lượng xe hoạt động trong ngày khoảng 300 xe máy.

Ngoài ra có khoảng 30 xe ô tô tải từ các hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu.

Tổng số xe hoạt động thường xuyên trong ngày tại khu vực dự án là 300 xe máy, 30 ô tô tải.

Bảng 4.10. Hệ số ô nhiễm không khí trung bình đối với các loại xe¹⁰

Loại xe	Đơn vị (U)	Bụi (kg/U)	SO ₂ (kg/U)	NO _x (kg/U)	CO (kg/U)	VOC (kg/U)
Xe tải, xe ô tô	1.000km	0,9	4,76	10,3	18,2	4,2
Xe máy	1.000km	0,08	0,57	0,14	16,7	3

(Ghi chú: S - Hàm lượng lưu huỳnh có trong dầu, S= 0,05%)

- Dựa vào các hệ số ô nhiễm tại bảng trên, tải lượng khí thải từ hoạt động của các loại phương tiện giao thông như sau:

Bảng 4.11. Tải lượng các chất ô nhiễm từ phương tiện giao thông ra vào khu vực

Chất ô nhiễm	Tải lượng từ các phương tiện tham gia giao thông (mg/m.s)
Bụi	0,0578
SO ₂	0,3524
NO _x	0,4163
CO	6,00
VOC	1,1017

Nồng độ chất ô nhiễm trung bình tại một điểm bất kỳ trong không khí do nguồn đường phát thải liên tục có thể xác định theo mô hình Sutton¹¹:

$$C = \frac{0.8E \left\{ \exp \left[\frac{-(z+h)^2}{2\sigma_z^2} \right] + \exp \left[\frac{-(z-h)^2}{2\sigma_z^2} \right] \right\}}{\sigma_z u}$$

Trong đó:

- + C: Nồng độ chất ô nhiễm trong không khí tại độ cao z so với mặt đất, cách đường giao thông X km (mg/m³);
- + E: Tải lượng nguồn thải (mg/ms);
- + Z: Độ cao điểm tính (m);
- + $\int_z$: Hệ số khuếch tán theo phương z(m) là hàm số của khoảng cách x theo phương gió thổi và độ ổn định của khí quyển, $\int_z = 0,53 \times x^{0,73}$
- + u: Tốc độ gió trung bình = 1,8 m/s;
- + h: Độ cao của mặt đường so với mặt đất xung quanh (lấy bằng 0m);

¹⁰ Hệ số đánh giá ô nhiễm nhanh của Cục Quản lý Môi trường Hoa Kỳ (USAPA)

¹¹ Phạm Ngọc Đăng, Môi trường không khí, NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội – 1997.

+ x: Khoảng cách của điểm tính so với nguồn thải tính theo chiều gió thổi;

Nồng độ các chất ô nhiễm ở các khoảng cách khác nhau so với nguồn thải (tìm đường) được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 4.12. Nồng độ các chất ô nhiễm do phương tiện vận chuyển

STT	Khoảng cách x(m)	C _{Bụi} (mg/m ³)	C _{SO₂} (mg/m ³)	C _{NO₂} (mg/m ³)	C _{CO} (mg/m ³)
1	1	0,0066	0,000154	0,063	0,096
2	3	0,00614	0,00014	0,0588	0,089
3	5	0,00509	0,000118	0,0488	0,074
4	30	0,0016	3,86x10 ⁻⁵	0,0158	0,024
QCVN 05:2013/BTNMT (TB 1 giờ) ¹²		0,3	0,35	0,2	30

Kết quả tính toán tại bảng trên cho thấy, nồng độ các chất ô nhiễm phát sinh không đáng kể. Tại nguồn phát sinh, các thông số bụi, SO₂, CO, NO₂ đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn.

- Đánh giá tác động:

* *Tác động đến môi trường do bụi, khí thải từ phương tiện giao thông vận tải:* Các tuyến đường giao thông và đường nội bộ đều được đổ bê tông nên hạn chế được bụi cuốn lên từ mặt đường do hoạt động của xe cộ. Phương tiện giao thông vận tải ở đây chủ yếu xe gắn máy, ô tô của các hộ gia đình trong khu dân cư. Ngoài ra còn có một số loại xe tải nhỏ nên lượng khí thải phát sinh không cao. Do đó, mức độ tác động đến môi trường không khí là không đáng kể.

- Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường:

+ Các phương tiện vận chuyển khi ra vào nhà máy phải chạy chậm với tốc độ cho phép 5km/h. Trong thời gian bốc dỡ nguyên liệu – sản phẩm không cho xe nổ máy.

+ Trồng cây xanh – thảm cỏ trong với mật độ trên 20% nhằm tạo cảnh quan và cải thiện môi trường không khí xung quanh. Tán cây xanh dày có thể hấp thụ bức xạ mặt trời, điều hòa các yếu tố vi khí hậu, chống ồn, hấp thụ khói bụi và khí thải như CO, SO₂, NO₂,...

+ Phun nước sân bãi, đường nội bộ trong những ngày nắng nóng, gió nhiều

¹² QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

để giảm thiểu hơi nóng và lượng bụi phát sinh do các phương tiện vận chuyển gây ra.

+ Điều phối xe hợp lý để tránh tình trạng tập trung quá nhiều các phương tiện vận chuyển trong phạm vi khu vực nhà xưởng tại cùng một thời điểm.

+ Đối với các phương tiện vận chuyển thuộc quyền sở hữu của Công ty sẽ tiến hành bảo dưỡng định kỳ, vận hành đúng tải trọng cho phép của nhà sản xuất.

** Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất*

Bụi phát sinh trong quá trình sản xuất từ các công đoạn dệt sợi. Thành phần chủ yếu là các hạt bụi nhẹ, dạng sợi, nồng độ phát sinh không lớn.

- Biện pháp giảm thiểu:

+ Trang bị khẩu trang chống bụi cho công nhân trực tiếp làm việc tại phân xưởng sản xuất.

+ Lắp đặt quạt gió tại khu vực xưởng may để đảm bảo không khí được đổi lưu tốt, tạo môi trường làm việc thông thoáng.

+ Phân công công nhân quét dọn sạch sẽ nhà xưởng sau mỗi ngày làm việc để thu gom bụi rơi vãi trên mặt bằng.

2.3. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại:

2.3.1 Chất thải rắn sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: Chất thải rắn sinh hoạt của nhân viên tại nhà máy.

- Khối lượng phát sinh: Tổng số người ước tính khi dự án đi vào hoạt động tối đa trong 1 ngày khoảng 300 nhân viên. Theo QCVN 01/2008/BXD, định mức phát thải hằng ngày của một người là 0,8 kg/người/ngày. Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh như sau:

$$M_{sh} = 300 \text{ người} \times 0,8 \text{ kg/người/ngày} = 240 \text{ kg/ngày.}$$

- Đánh giá tác động: Khối lượng chất thải rắn phát sinh tại nhà máy tương đối lớn, phát sinh liên tục, nếu không được thu gom và xử lý sẽ ảnh hưởng lớn đến môi trường xung quanh. Chất thải rắn sinh hoạt chứa thành phần các chất hữu cơ cao nên dễ phân hủy gây mùi hôi khó chịu, đồng thời thu hút các sinh vật gây bệnh như ruồi, muỗi, kiến, gián...Ngoài ra, các chất khó phân hủy có trong rác thải sinh hoạt như bao nylon, nhựa, cao su...cũng là nguồn gây tác động lâu dài đến môi trường. Do đó, chất thải rắn này cần được thu gom và có biện pháp quản lý thích hợp để không gây mất vệ sinh và ảnh hưởng đến mỹ quan của nhà máy.

- Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường:

+ Tuyên truyền, giáo dục công nhân viên có ý thức về vấn đề bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh chung, không vứt rác bừa bãi.

+ Xây dựng nội quy nhà máy, hướng dẫn mọi cùng tham gia bảo vệ cảnh quan thiên nhiên trong toàn nhà máy.

- Biện pháp phân loại rác tại nguồn

Toàn bộ rác thải của nhà máy sau khi thu gom được phân loại thành 2 nhóm chính:

+ Nhóm các chất có thể thu hồi để tái sử dụng, tái chế: gồm các loại bao bì, chai lọ bằng thủy tinh, kim loại, chất dẻo, thùng carton, giấy vụn... Các chất thải này sẽ được tái sử dụng tối đa, phần không tái sử dụng được sẽ bán lại cho các đơn vị thu mua phế liệu.

+ Nhóm các chất thải cần xử lý: Gồm các chất thải hữu cơ như các loại, rau quả, thực phẩm, lá cây, xác động vật, bùn thải... và các chất thải khác không thể tái chế được. Các chất thải này sẽ được tập kết tại nhà kho chứa rác thải, sau đó hợp đồng với đơn vị thu gom đến vận chuyển đi xử lý.

Công tác phân loại được nhân viên thực hiện trong lúc thu gom trước khi vận chuyển về thùng chứa rác lớn hơn.

- Biện pháp thu gom:

+ Các thùng rác mini được đặt tại những nơi trực tiếp xả rác như các phòng của nhà máy, văn phòng làm việc, phòng họp...

+ Các thùng rác cỡ trung (loại 60 lít) được bố trí dọc theo các tuyến đường nội bộ trong khuôn viên nhà máy.

+ Các loại thùng chứa rác này đều có nắp đậy nhằm tránh ruồi, muỗi phát triển và phát tán mùi hôi ra khu vực xung quanh.

- Biện pháp xử lý: Toàn bộ CTR sinh hoạt được thu gom vào các thùng rác 240l bố trí dọc trục đường nội bộ sau đó hợp đồng với đơn vị chức năng 1 ngày/1 lần thu gom, vận chuyển toàn bộ CTR thông thường của nhà máy để xử lý theo quy định. Do thu gom hằng ngày nên Chủ dự án không xây dựng kho chứa chất thải rắn sinh hoạt để lưu chứa.

2.3.2 Chất thải rắn sản xuất:

- Nguồn phát sinh: phế thải từ công đoạn dệt sợi.

- Khối lượng phát sinh: Khối lượng CTR sản xuất khoảng 20kg/ngày.

- Đánh giá tác động: Khối lượng chất thải rắn phát sinh tại nhà máy không nhiều, phát sinh liên tục, được thu gom và xử lý cùng với rác thải sinh hoạt.

- Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường:

Bố trí các thùng rác nhỏ đặt tại công đoạn sản xuất để thu gom chất thải phát sinh. Đồng thời thuê đơn vị có chức năng để xử lý.

2.3.3 Chất thải nguy hại:

- Nguồn phát sinh: Khi đi vào hoạt động, nhà máy phát sinh các loại chất thải gồm: bóng đèn huỳnh quang, hộp mực in, bo mạch điện tử hỏng... Theo quy định, các chất thải kể trên thuộc thành phần CTNH.

- Khối lượng phát sinh: Khối lượng CTNH phát sinh không nhiều, ước tính khoảng 47 kg/năm, gồm các loại sau:

Bảng 4.13. Khối lượng CTNH phát sinh

TT	Thành phần	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải nguy hại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	10	Rắn	16 01 06
2	Hộp mực in thải	7	Rắn	08 02 04
3	Các TB linh kiện điện tử thải	10	Rắn	20 01 35
4	Giẻ lau dính dầu mỡ	20	Rắn	18 02 01
	Tổng cộng	47		

- Đánh giá tác động: CTNH khi nhà máy đi vào hoạt động có thành phần đơn giản và chủ yếu ở dạng rắn, khối lượng phát sinh không nhiều nên về mức độ tác động đến môi trường là không lớn. Tuy nhiên, CTNH có đặc tính tồn tại lâu trong môi trường và có khả năng tích lũy sinh học trong các nguồn nước, mô động vật gây ra các bệnh nguy hiểm đối với con người.

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh không nhiều. Tuy nhiên, các chất thải này nếu không được thu gom và quản lý tốt sẽ gây ảnh hưởng đến môi trường đất tại điểm xả thải, lâu ngày có thể ảnh hưởng đến chất lượng nước ngầm tầng nông khu vực.

- Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường:

* Biện pháp thu gom: CTNH được thu gom và tập kết tại khu vực riêng biệt so với CTR thông thường. Phương thức thu gom cụ thể như sau:

- Đối với chất thải lỏng nguy hại (như dầu mỡ thải): thu gom và chứa trong

các can chứa dầu, có nắp đậy kín để tránh chảy tràn, sau đó tập kết về lưu giữ tạm thời tại kho chứa CTNH trước khi xe của đơn vị thu gom đến vận chuyển đi xử lý.

- Đối với các chất thải rắn nguy hại (như chất thải dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang hỏng, hộp mực in...): Sau khi thu gom cho vào các túi ni lông buộc kín miệng và lưu giữ tạm thời tại kho chứa CTNH trước khi đơn vị thu gom đến vận chuyển đi xử lý. Lượng chất thải rắn phát sinh không thường xuyên nên Công ty sẽ bố trí nhân viên thu gom ngay sau khi thay thế các vật tư, trang thiết bị và bảo dưỡng máy móc.

* Biện pháp lưu giữ tạm thời: Thiết kế xây dựng 01 kho chứa CTNH để lưu giữ tạm thời CTNH trước khi xe của đơn vị thu gom đến vận chuyển đi xử lý. Kho chứa CTNH được xây dựng có diện tích 10m² có mái che, tường bao, cửa đảm bảo kết cấu xây dựng.

* Biện pháp quản lý, xử lý:

- Tiến hành kê khai danh sách CTNH, lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của Bộ tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại.

- Cử cán bộ chuyên trách đủ năng lực thực hiện công tác quản lý CTNH.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng được Nhà nước cấp phép hoạt động đến thu gom, vận chuyển và đem đi xử lý đúng theo quy định.

2.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát sinh trong giai đoạn vận hành của dự án

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động của các phương tiện của nhân viên, vận chuyển hàng hóa, chất thải;

- Đánh giá tác động:

- Tiếng ồn từ phương tiện vận chuyển: Các phương tiện giao thông ra vào nhà máy không liên tục và không lớn nên tác động không đáng kể.

- Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường: Tiếng ồn từ các hoạt động của nhà máy chỉ gây tác động cục bộ tại vị trí phát sinh, khu vực xung quanh chịu tác động không đáng kể. Tuy nhiên, để hạn chế mức độ ảnh hưởng của tiếng ồn Chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Bảo dưỡng, bảo trì định kỳ hệ thống điều hòa, quạt tỏa nhiệt; bố trí máy phát điện trong phòng kín, cách âm nhằm hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Tăng cường cây xanh quanh khu nghỉ dưỡng, khu bãi đậu xe.

- Định kỳ bảo dưỡng các máy móc, động cơ sử dụng trong nhà máy, tra dầu bôi trơn các ổ trục và thay thế các thiết bị hư hỏng để hạn chế tiếng ồn.

2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:

2.5.1 Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

Để hạn chế sự cố cháy nổ xảy ra, chủ dự án sẽ thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp về phòng chống cháy nổ như sau:

* An toàn điện:

- Trang bị các thiết bị điện có chất lượng tốt, đúng tiêu chuẩn và đúng công suất sử dụng.

- Lắp đặt hệ thống điện theo đúng trình tự kỹ thuật. Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của hệ thống điện, các phụ tải và các thiết bị điện.

- Xây dựng nội quy về an toàn sử dụng điện, phổ biến các kiến thức cơ bản về an toàn điện cho công nhân viên.

* Phòng chống cháy nổ: Đối với các chất dễ gây cháy nổ như dầu, gas sẽ được lưu trữ và sử dụng theo đúng hướng dẫn quy định, đặt cách xa các nguồn có khả năng phát tia lửa.

- Quy hoạch lối đi dành cho xe cứu hỏa đảm bảo có thể tới chân các công trình.

- Giải pháp thiết kế hệ thống chữa cháy trong nhà máy:

+ Bố trí hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động trong nhà máy. Hệ thống chữa cháy tự động sau khi lắp đặt phải được thử hoạt động toàn bộ hệ thống và chỉ được phép đưa vào hoạt động khi kết quả thử cho thấy hệ thống đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của thiết kế và các tiêu chuẩn có liên quan.

+ Bố trí các bình chữa cháy dạng bột và khí CO₂ tại các nơi không thể chữa cháy bằng nước như tại các bungalow, khu vực dự trữ gas,...

+ Tại nơi đặt dụng cụ chữa cháy phải có hướng dẫn sử dụng đính kèm.

- Định kỳ kiểm tra tình trạng kỹ thuật của các dụng cụ chữa cháy.

- Tổ chức lực lượng PCCC tại chỗ, giáo dục, tuyên truyền và huấn luyện cho công nhân viên về công tác PCCC.

- Xây dựng nội quy PCCC và thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy định về phòng chống cháy nổ.

- Thiết kế hệ thống thoát hiểm hợp lý, bố trí biển chỉ dẫn lối thoát hiểm bên trong và bên ngoài các khu nhà.

- Khi có sự cố cháy nổ xảy ra, kịp thời di tản người ra khỏi khu vực và nhanh chóng tiến hành công tác chữa cháy, ứng cứu người bị nạn.

- Kết hợp cùng các đơn vị PCCC có chức năng, đặc biệt khi có sự cố cháy lớn vượt quá tầm kiểm soát.

- Phương án thoát hiểm khi có sự cố

Khi xảy ra sự cố nhân viên tại nhà máy nhanh chóng chạy ra ngoài theo lối thoát hiểm không hoảng loạn chạy giẫm đạp lên nhau. Cần nhận định hướng khói và phải cúi thấp người khi di chuyển vì khói luôn luôn bay lên cao. Đôi lúc, người phải bò dưới sàn khi lượng khói tập trung nhiều để khỏi bị ngạt. Để chống nhiễm khói, mọi người cần lấy khăn thấm nước che kín miệng và mũi để lọc không khí khi hít thở hoặc có thể sử dụng mặt nạ chống khói khi được trang bị.

- + Sử dụng các phương tiện chữa cháy ban đầu để dập lửa như bình CO₂, vòi xịt sau đó là ống nước PCCC.

- + Khi muốn đưa người thoát ra khỏi đám lửa, ngoài việc dùng khăn thấm nước che miệng, mũi, phải dùng chăn, mền nhúng nước trùm lên toàn bộ cơ thể và chạy thoát nhanh ra ngoài qua đám lửa để tránh bị cháy quần áo gây bỏng da.

- + Cần đóng các cửa trên đường lan truyền để giới hạn sự lan tràn của lửa và khói.

- + Khi thoát nạn ra ngoài an toàn nên tập trung ở một nơi và kiểm tra lại danh sách xem còn có người bị kẹt lại trong đám cháy không, từ đó có các biện pháp cứu người bị kẹt trong đám cháy ra ngoài an toàn. Khi gặp người bị ngạt, ngất, bỏng phải tổ chức sơ cấp cứu ban đầu trước khi đưa nạn nhân đi cấp cứu tại bệnh viện.

- + Báo cháy kịp thời cho cơ quan Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114 để được hỗ trợ trong công tác thoát nạn, cứu nạn khi có người bị kẹt trong đám cháy.

2.5.2 Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải

Để phòng chống sự cố xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ đầu tư thực hiện các biện pháp sau:

- + Lựa chọn hệ thống bể phù hợp với công suất thiết kế, tính chất của nước thải của từng cụm phát sinh.

- + Hệ thống điện động lực và điều khiển của từng hạng mục được thiết kế độc lập, đảm bảo khi tiến hành tháo lắp, sửa chữa thiết bị hư hỏng không làm ảnh hưởng đến các thiết bị khác.

- + Trong quá trình vận hành tổ chức vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị định kỳ để

kip thời phát hiện và xử lý các dấu hiệu có khả năng dẫn đến xảy ra sự cố.

+ Sử dụng bể chứa bùn chứa nước tạm thời để khắc phục sự cố HTXLNT, ngoài ra đối với từng sự cố sẽ có các biện pháp cụ thể, như sự cố hư bơm sẽ sử dụng bơm dự phòng, bơm bị hư nhanh chóng sửa chữa; sự cố máy thổi khí cũng sẽ sử dụng máy thổi khí dự phòng, nhanh chóng sửa máy thổi khí bị hư; riêng đối sự cố về vi sinh thì hiếm xảy ra, trong giai đoạn hoạt động chủ dự án sẽ bố trí cán bộ vận hành theo dõi thường xuyên để đảm bảo vi sinh không bị chết.

+ Tuyển dụng cán bộ được đào tạo về chuyên ngành môi trường, có kinh nghiệm để vận hành, theo dõi kết quả hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

+ Tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ vận hành hệ thống xử lý nước thải trước khi tiếp quản công trình.

+ Định kỳ phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành lấy mẫu nước thải trước và sau xử lý để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình.

2.5.3 Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố thiên tai

- Các hạng mục công trình được thiết kế xây dựng có nền móng và kết cấu vững chắc, đảm bảo an toàn trong mùa mưa triều dâng.

- Lắp đặt hệ thống chống sét đúng theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ Xây dựng.

- Thành lập đội phòng chống bão, đội ứng cứu, cứu hộ tại chỗ, bồi dưỡng kiến thức phòng chống, ứng cứu khi có sự cố do thiên tai xảy ra.

- Xây dựng phương án phòng chống bão lụt trước mùa mưa bão.

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường tại Dự án được cụ thể như sau:

Bảng 4.14. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

TT	Công trình	Kinh phí xây dựng	Thời gian hoàn thành
----	------------	-------------------	----------------------

1	Hệ thống xử lý nước thải (công suất 20 m ³ /ngày đêm)	900.000.000đồng	Hoàn thành trước khi công trình vận hành
2	Bể tự hoại 3 ngăn	9.000.000đồng	Hoàn thành trước khi công trình vận hành
4	Thùng chứa CTR sinh hoạt, CTR sản xuất, CTNH	5.000.000đồng	Hoàn thành trước khi công trình vận hành
5	Kho chứa CTNH	10.000.000 đồng	Hoàn thành trước khi công trình vận hành

- Công tác quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường: Chủ Dự án sẽ bố trí 02 nhân viên theo dõi, giám sát tình hình quản lý thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại Dự án.

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:

Giấy phép môi trường dự án nhà máy sản xuất sản phẩm từ sợi Hitex.one Vina đã đánh giá tương đối đầy đủ về các tác động của dự án, đánh giá cụ thể về quy mô cũng như đối tượng bị tác động.

Trong quá trình lập báo cáo, chúng tôi đã tập hợp được lượng lớn dữ liệu, số liệu và sử dụng các phương pháp đánh giá có mức độ tin cậy cao. Do vậy, các đánh giá trong báo cáo được thực hiện một cách chi tiết, trung thực, đảm bảo độ tin cậy, ít phụ thuộc vào tính chủ quan của người đánh giá. Bên cạnh đó, một số đánh giá có độ chi tiết chưa cao do thiếu số liệu, dữ liệu.

Cũng như các báo cáo khác, các đánh giá về tác động môi trường, các rủi ro, sự cố môi trường khi triển khai dự án được nêu trong báo cáo này cũng không thể đảm bảo tính chính xác tuyệt đối được do một số nguyên nhân như: ý kiến chủ quan của người đánh giá, mức độ tin cậy của các tài liệu tham khảo, phụ thuộc vào nhiều yếu tố khách quan,... Đây là những sai số nằm trong ngưỡng cho phép nên không làm ảnh hưởng lớn đến kết quả của báo cáo.

Chương V

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Chủ dự án: Công ty TNHH HITEK.ONE VINA

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Công nghiệp môi trường QNVINA

- Nguồn phát sinh nước thải: 01 nguồn nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình sinh hoạt (từ nhà vệ sinh và nước rửa tay chân) của nhân viên làm việc tại nhà máy.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 20 m³/ngày.đêm.

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý theo đường ống nhựa PVC D114 xả vào mương thoát nước chung của CCN Hà Lam-Chợ Được.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Bảng 5.1. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

TT	Thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải	Đơn vị tính	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1,2)
1	pH	-	5,5 - 9
2	BOD ₅	mg/l	60
3	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	1200
4	TSS	mg/l	120
5	Sunfua	mg/l	4.8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	12
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	6000

Ghi chú: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B khi thải vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- *Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:*

+ Vị trí xả nước thải: Công thoát nước chung của CCN Hà Lam-Chợ Được, có toạ độ X (m)=1741886,85 ; Y (m)=567894,82 (hệ VN 2000, kinh tuyến 107⁰45', múi chiều 3⁰).

+ Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý theo đường ống ra công thoát nước chung tại CCN Hà Lam-Chợ Được, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình.

+ Chế độ xả nước thải: gián đoạn trong ngày, thời gian xả liên tục trong năm.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý được thoát ra mương thoát nước chung của CCN Hà Lam-Chợ Được.

Chương VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư:

Nhà máy sản xuất sản phẩm từ sợi Hitex.one Vina không thuộc đối tượng quy định tại Cột 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, do đó theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày

10/01/2022 sẽ tiến hành lấy ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải. Do đó, kế hoạch vận hành thử nghiệm của dự án như sau:

1.1. Thời gian dự kiến lấy mẫu:

Thời gian dự kiến lấy mẫu giai đoạn vận hành ổn định của nhà máy được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 6.1. Kế hoạch dự kiến vận hành thử nghiệm nước thải của nhà máy

Nội dung kế hoạch	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến
Lấy mẫu trong giai đoạn vận hành ổn định hệ thống	01/5/2024	01/7/2024	30%

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

- Quan trắc trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải

+ Tần suất và thời gian quan trắc: Tần suất và thời gian quan trắc nước thải của toàn bộ công trình xử lý nước thải là 01 ngày/lần trong thời hạn ít nhất là 03 ngày liên tiếp, kế tiếp của thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

+ Cách thức lấy mẫu: Đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn của 01 mẫu đầu vào và ít nhất 03 mẫu đơn đầu ra của công trình xử lý nước thải.

Bảng 6.2. Kế hoạch chi tiết lấy mẫu nước thải giai đoạn vận hành ổn định

STT	Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích	Thời gian dự kiến		Ghi chú
		Mẫu đầu vào	Mẫu đầu ra	
1	Lần 1	15/6/2024	15/6/2024	- Tần suất quan trắc mẫu đơn đầu vào: 1 mẫu duy nhất
2	Lần 2	-	16/6/2024	
3	Lần 3	-	16/6/2024	- Tần suất quan trắc mẫu đơn đầu ra: 1 ngày/lần

2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm:

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm dự kiến khoảng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng chẵn).

Chương VII

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Căn cứ theo các quy định của Luật Bảo vệ môi trường 72/2020/QH14 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Công ty TNHH HITEK.ONE VINA cam kết:

Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ

- Đảm bảo về tính chính xác, trung thực của các số liệu, tài liệu trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường. Nếu có gì sai phạm chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật hiện hành.

Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn

- Chủ Dự án cam kết vận hành hệ thống xử lý nước thải cho toàn bộ nhà máy để đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra đạt quy chuẩn trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

- Chủ dự án cam kết đầu nối toàn bộ nước thải vào hệ thống thu gom khi CCN Hà Lam-Chợ Được vận hành hệ thống XLNT tập trung của CCN.

- Chủ Dự án cam kết chất thải rắn phát sinh được thu gom và xử lý đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Chất thải thông thường chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý mà chủ Dự án đã ký hợp đồng. Riêng chất thải nguy hại, sẽ được thu gom, lưu trữ theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại, sau đó sẽ chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

1. Thông báo thỏa thuận nghiên cứu đầu tư
2. Quyết định Chủ trương đầu tư
3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
5. Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường
6. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
7. Quyết định về việc gia hạn sử dụng đất
8. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư
9. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh lần thứ 1
10. Bản cam kết bảo vệ môi trường
11. Thuyết minh dự án
12. Phiếu kết quả thử nghiệm
13. Hợp đồng cấp nước

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;
Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
Xét văn bản đề nghị thực hiện dự án và hồ sơ kèm theo do ông Jong-Kook, Baek lập ngày 21/8/2017, hồ sơ bổ sung ngày 27/9/2017;
Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 526/BC-SKHĐT ngày 04/10/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận nhà đầu tư:

Họ và tên: JONG-KOOK, BAEK; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Hàn Quốc

Sinh ngày: 20/01/1967

Hộ chiếu số: M81186953; Ngày cấp: 22/4/2011

Cơ quan cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc

Địa chỉ thường trú: 96, Jugyeospan, Soheul, Pocheon-si, Gyeonggi-do, Korea;

Chỗ ở hiện tại: 96, Jugyeospan, Soheul, Pocheon-si, Gyeonggi-do, Korea;

Điện thoại: 82-10-9303-2444

Thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: **NHÀ MÁY SẢN XUẤT SẢN PHẨM TỪ SỢI HITEX.ONE VINA**

2. Mục tiêu dự án: Sản xuất sợi, vải dệt thoi (không tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan).

3. Quy mô dự án

- Công suất thiết kế: 1.000 tấn/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô A/A1Cụm công nghiệp Hà Lam - Chợ Được, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

5. Diện tích đất sử dụng: 21.242 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 56.912.000.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ chín trăm mười hai triệu đồng). Trong đó:

- Vốn góp

34.147.000.000 đồng;

- Vốn tín dụng

22.765.000.000 đồng.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm kể từ ngày có Quyết định chủ trương đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư

- Tháng 8/2017 - 12/2017: Hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục về đầu tư, quy hoạch, môi trường, xây dựng.

- Tháng 12/2017: Khởi công công trình.

- Tháng 12/2017 - 05/2018: Xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị

- Tháng 06/2018: Đưa toàn bộ dự án vào hoạt động.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Chính sách ưu đãi về tiền thuê đất, thuê mặt nước

Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước sau thời gian được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước của thời gian xây dựng cơ bản: Mười một (11) năm đối với dự án đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (điểm c, khoản 3, điều 19, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ).

2. Chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp

Áp dụng thuế suất 10% trong thời gian 15 năm, được miễn thuế tối đa không quá 4 năm và giảm thuế 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 9 năm tiếp (Khoản 7, Khoản 8, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19/6/2013).

3. Chính sách ưu đãi về thuế nhập khẩu

- Miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định phục vụ sản xuất của dự án (Khoản 3, Điều 14, Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ).

- Nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của dự án được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất (Khoản 13, Điều 16, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06/4/2016).

* Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì cùng với các đơn vị liên quan hướng dẫn chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục về ưu đãi đầu tư theo quy định tại Nghị định 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ để tham mưu UBND tỉnh xem xét bổ sung theo quy định (nếu có).

Điều 3. Các quy định khác

Nhà đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung đã cam kết tại Văn bản đề nghị thực hiện dự án và hồ sơ kèm theo lập ngày 21/8/2017, hồ sơ bổ sung ngày 27/9/2017, các quy định của Luật đầu tư ngày 26/11/2014 và các quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư này; đồng thời thực hiện ký Bản cam kết thực hiện dự án và ký quỹ đảm bảo đúng quy định tại Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 và Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 14/7/2016 của UBND tỉnh.

Trường hợp thay đổi thành viên góp vốn, người đại diện theo pháp luật, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với pháp nhân được thành lập quản lý dự án, thay đổi tiến độ thực hiện dự án, nhà đầu tư chịu trách nhiệm làm việc với Sở Kế hoạch và Đầu tư để tham mưu trình UBND tỉnh xem xét chấp thuận trước khi thực hiện.

Trường hợp số tiền nhà đầu tư ứng để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng lớn hơn số tiền thuê đất (kể cả miễn giảm và khấu trừ theo quy định) được hạch toán vào chi phí đầu tư dự án và Nhà nước không thực hiện hỗ trợ phân chênh lệch cho nhà đầu tư.

Nhà đầu tư chấp hành đúng chế độ báo cáo và chế độ thuế của Nhà nước Việt Nam, thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự, an toàn lao động đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cho phép; chấp hành các quy định của chính quyền địa phương. Trường hợp nhà đầu tư không thực hiện đúng những điều cam kết tại Văn bản đề nghị thực hiện dự án và các quy định đã nêu trên: Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Thăng Bình, các cơ quan liên quan trình UBND tỉnh xem xét thu hồi Quyết định chu trương đầu tư này.

Điều 4. Quyết định này được lập thành ba (03) bản gốc: Nhà đầu tư được cấp một (01) bản; một (01) bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và một (01) bản được lưu tại Văn phòng UBND tỉnh.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - CT và các PCT UBND tỉnh;
 - Các Sở: XD, TN&MT, CT, TC;
 - Cục Thuế, Cục Hải quan;
 - Trung tâm HCC&XTĐT;
 - UBND huyện Thăng Bình;
 - CPVP;
 - Lưu: VT, TH, KTN, KTTH.
- E: Lê Đăng Quang, KTTH;Dropbox công văn dự 2017 Thăng Bình Quyết định 12-12-2017 Nhà máy sản xuất dầu

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Chứng thực bản sao đúng bản chính
Số chứng thực: 48777 quyền số: SCT/BS
Ngày: 12-12-2017 tháng: 12 năm: 2017
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG TAM THUẬN



Võ Thị Ngọc Nhung

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: **7642565482**

Chứng nhận lần đầu: Ngày 23 tháng 10 năm 2017

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 06/01/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam Quy định trình tự thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 04/2010/QĐ-UB ngày 16/3/2010 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 3743/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam về chủ trương thực hiện dự án Nhà máy sản xuất sản phẩm từ sợi HITEX.ONE VINA tại Lô A/A1Cụm công nghiệp Hà Lam - Chợ Được, xã Bình Phúc, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam;

Xét văn bản đề nghị thực hiện dự án và các hồ sơ kèm theo do nhà đầu tư lập ngày 21/8/2017, hồ sơ bổ sung ngày 27/9/2017,

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH QUẢNG NAM

Chứng nhận

Tên nhà đầu tư: **JONG-KOOK, BAEK**

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Hàn Quốc;

Sinh ngày: 20/01/1967;

Hộ chiếu số: M81186953; Ngày cấp: 22/4/2011;

Cơ quan cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc;

Địa chỉ thường trú: 96, Jugyeospan, Soheul, Pocheon-si, Gyeonggi-do, Korea;

Chỗ ở hiện tại: 96, Jugyeospan, Soheul, Pocheon-si, Gyeonggi-do, Korea;

Điện thoại: 82-10-9303-2444;

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: **NHÀ MÁY SẢN XUẤT SẢN PHẨM TỪ SỢI HITEX.ONE VINA**

2. Mục tiêu dự án: Sản xuất sợi, vải dệt thoi (không tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan).

3. Quy mô dự án

- Công suất thiết kế: 1.000 tấn/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô A/A1 Cụm công nghiệp Hà Lam - Chợ Được, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

5. Diện tích đất sử dụng: 21.242 m²

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 56.912.500.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ chín trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), tương đương 2.500.000 USD.

Trong đó: vốn góp của ông Jong-Kook, Baek là 34.147.500.000 đồng, tương đương 1.500.000 USD; vốn huy động từ ngân hàng thương mại là 22.765.000.000 đồng, tương đương 1.000.000 USD.

- Phương thức góp vốn: Tiền mặt, máy móc thiết bị.

- Tiến độ góp vốn thực hiện dự án: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm kể từ ngày 23/10/2017.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư

- Tháng 8/2017 - 12/2017: Hoàn chỉnh các hồ sơ, thủ tục về đầu tư, quy hoạch, môi trường, xây dựng.

- Tháng 12/2017: Khởi công công trình.

- Tháng 12/2017 - 05/2018: Xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị

- Tháng 06/2018: Đưa toàn bộ dự án vào hoạt động.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Chính sách ưu đãi về tiền thuê đất, thuê mặt nước

Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước sau thời gian được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước của thời gian xây dựng cơ bản: Mười một (11) năm đối với dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 19, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

2. Chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp

Áp dụng thuế suất 10% trong thời gian mười lăm (15) năm, được miễn thuế tối đa không quá bốn (4) năm và giảm thuế 50% số thuế phải nộp tối đa không quá chín (9) năm tiếp theo quy định tại Khoản 7, Khoản 8, Điều 1 Luật Thuế TNDN số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội.

3. Chính sách ưu đãi về thuế nhập khẩu

- Miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định phục vụ sản xuất theo quy định tại Khoản 11 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 và Điều 14 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP.

- Miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được trong thời hạn 05 năm theo quy định tại Khoản 13 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 và Điều 15 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP.

Điều 3. Các quy định khác

Nhà đầu tư phải thực hiện đúng các nội dung đã cam kết tại Văn bản đề nghị thực hiện dự án và hồ sơ kèm theo lập ngày 21/8/2017, hồ sơ bổ sung ngày 27/9/2017, các quy định của Luật Đầu tư 67/2014/QH13 và các quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư do UBND tỉnh Quảng Nam ban hành; đồng thời thực hiện ký Bản cam kết tiến độ và ký quỹ đảm bảo theo đúng quy định tại Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 và Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 14/7/2016 của UBND tỉnh.

Trường hợp thay đổi thành viên góp vốn, người đại diện theo pháp luật, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với pháp nhân được thành lập quản lý dự án, thay đổi tiến độ thực hiện dự án, nhà đầu tư chịu trách nhiệm làm việc với Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Nam để tham mưu trình UBND tỉnh xem xét chấp thuận trước khi thực hiện.

Trường hợp số tiền nhà đầu tư ứng để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng lớn hơn số tiền thuê đất (kể cả miễn giảm) thì số tiền chênh lệch được hạch toán vào chi phí đầu tư dự án, Nhà nước không có trách nhiệm chi trả phần chênh lệch này cho nhà đầu tư.

Nhà đầu tư phải chấp hành đúng chế độ báo cáo và chế độ thuế của Nhà nước Việt Nam, thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về đất đai, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự, an toàn lao động đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cho phép; chấp hành các quy định của chính quyền địa phương. Trường hợp không thực hiện đúng những điều cam kết tại văn bản đề nghị thực hiện dự án ngày 21/8/2017 và các quy định đã nêu trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Nam sẽ phối hợp với UBND huyện Thăng Bình, các Sở, ngành có liên quan, xem xét, trình UBND tỉnh thu hồi Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư này.

Điều 4. Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 02 (hai) bản gốc; 01 bản cấp cho nhà đầu tư: Ông JONG-KOOK, BAEK (Hàn Quốc) và 01 bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Nam. /*thư*

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- UBND huyện Thăng Bình;
- Cục Thuế Quảng Nam;
- Lưu VT, HTĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Văn Ấn
Trần Văn Ấn

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 4001125432

Đăng ký lần đầu: ngày 30 tháng 10 năm 2017

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HITEX.ONE VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HITEX.ONE VINA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HITEX.ONE VINA CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô A/A1 Cụm công nghiệp Hà Lam - Chợ Được, Xã Bình Phục, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Điện thoại: 0905051940

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 34.147.500.000 đồng

Bằng chữ: Ba mươi bốn tỷ một trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng

Tương đương 1.500.000 USD (Một triệu năm trăm nghìn USD)

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: JONG-KOOK, BAEK

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/01/1967

Dân tộc:

Quốc tịch: Hàn Quốc

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy chứng thực cá nhân: M81186953

Ngày cấp: 22/04/2011

Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 96, Jugyeospan, Soheul, Pocheon-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc

Chỗ ở hiện tại: *Lô A/A1 Cụm công nghiệp Hà Lam - Chợ Được, Xã Bình Phục, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: JONG-KOOK, BAEK

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch công ty

Sinh ngày: 20/01/1967

Dân tộc:

Quốc tịch:

Hàn Quốc

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy chứng thực cá nhân: M81186953

Ngày cấp: 22/04/2011

Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 96, Jugyeospan, Soheul, Pocheon-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc

Chỗ ở hiện tại: *Lô A/A1 Cụm công nghiệp Hà Lam - Chợ Được, Xã Bình Phục, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam*



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Mỹ Nhân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THĂNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 321 /GXN-UBND

Thăng Bình, ngày 12 tháng 4 năm 2018

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án nhà máy sản xuất sản phẩm từ sợi Hitex.one Vina
của Công ty TNHH Hitex.one Vina**

Xét Tờ trình số 155/TTr-TNMT ngày 11/4/2018 của Phòng TN&MT về việc đề nghị xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án nhà máy sản xuất sản phẩm từ sợi Hitex.one Vina tại Lô A/A1 CCN Hà Lam - Chợ Đước, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam;

UBND huyện Thăng Bình xác nhận Công ty TNHH Hitex.one Vina đã đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường Dự án nhà máy sản xuất sản phẩm từ sợi Hitex.one Vina tại UBND huyện Thăng Bình vào ngày 12 tháng 4 năm 2018.

Công ty TNHH Hitex.one Vina có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo Kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

Kế hoạch bảo vệ môi trường Dự án nhà máy sản xuất sản phẩm từ sợi Hitex.one Vina tại Lô A/A1 CCN Hà Lam - Chợ Đước, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam kèm theo Giấy xác nhận đăng ký này được cấp cho Công ty TNHH Hitex.one Vina để thực hiện và lưu được tại cơ quan Nhà nước để kiểm tra, giám sát. /

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Hitex.one Vina;
- Phòng TN&MT;
- Trung tâm PT CCN-TM&DV;
- UBND xã Bình Phục;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



95714

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

CÔNG TY TNHH HITEX.ONE VINA

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4001125432 cấp ngày 30/10/2017

Địa chỉ: Lô A/A1 Cụm công nghiệp Hà Lam - Chợ Được, xã Bình Phục, huyện
Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam

CT 136369

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: Lô A/A1 , tờ bản đồ số: 1873/CNVPĐK
- b) Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hà Lam - Chợ Đước, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam
- c) Diện tích: 21.242,0 m² (Bằng chữ: Hai mươi một nghìn hai trăm bốn mươi hai mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- đ) Mục đích sử dụng: Đất cụm công nghiệp
(Xây dựng Nhà máy sản xuất sản phẩm từ sợi Hitex.one Vina)
- e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 23/10/2067
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Thừa đất được xác định theo Trích lục bản đồ địa chính số 1873/CNVPĐK do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Thăng Bình lập ngày 26/6/2018.
- Được miễn tiền thuê đất với số tiền là 1.855.135.000 đồng, từ tháng 4/2020 đến hết tháng 02/2031 theo Quyết định số 3226/QĐ-CT ngày 10/4/2020 của Cục Thuế tỉnh Quảng Nam.

Quảng Nam, ngày 31 tháng 7 năm 2020

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

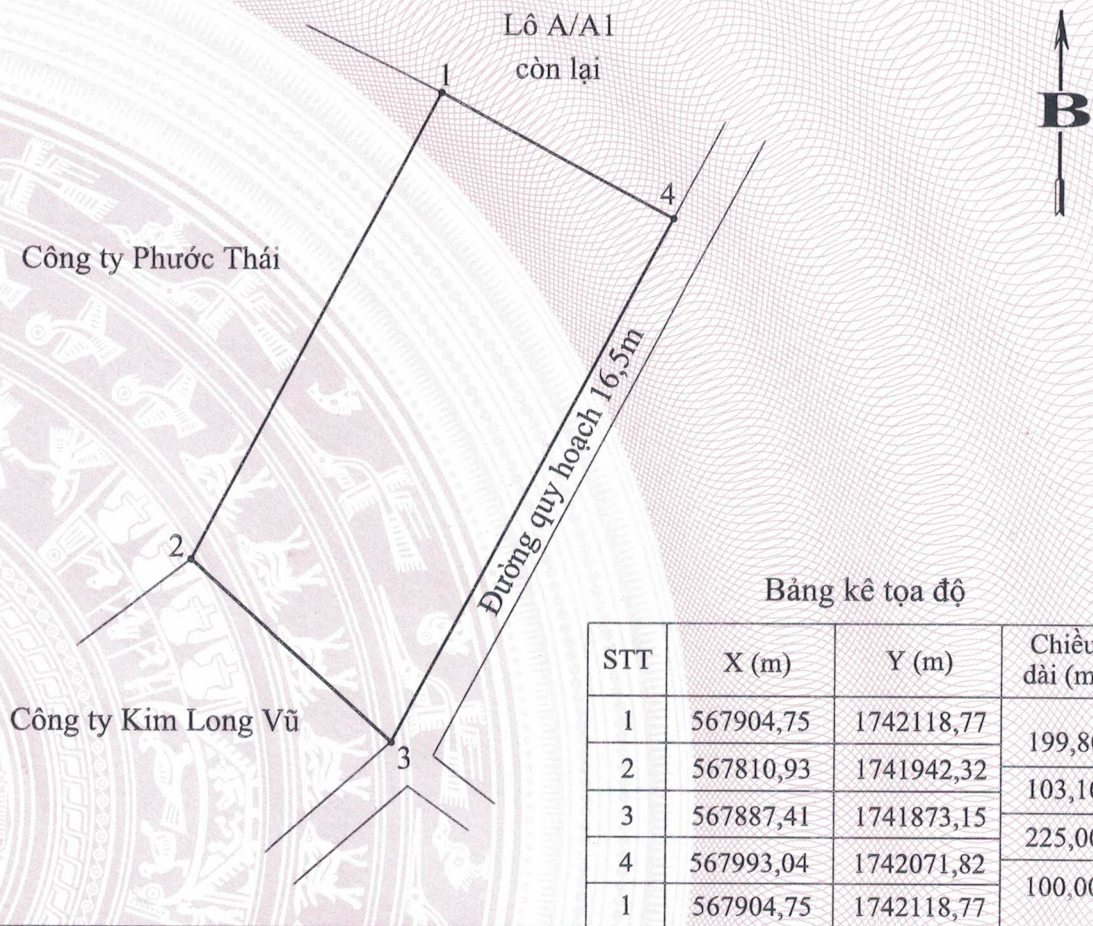
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quang Bửu

Số vào sổ cấp GCN: CT.20368...

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

IV. NHỮNG THAY ĐỔI SAU KHI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Nội dung thay đổi và cơ sở sở pháp lý

Xác nhận của cơ
quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



4 9 2 0 8 0 3 2 0 0 0 1 4 7

Số: /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc gia hạn sử dụng đất của Công ty TNHH Hitex.One Vina thuê để thực hiện dự án xây dựng Nhà máy sản xuất sản phẩm từ sợi Hitex.One Vina tại Cụm công nghiệp Hà Lam - Chợ Được, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 và số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, cho Công ty TNHH Hitex.One Vina thuê đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất sản phẩm từ sợi Hitex.One Vina tại Lô A/A1, Cụm công nghiệp Hà Lam - Chợ Được, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình;

Theo Công văn số 8334/UBND-NCKC ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh về xử lý kết luận thanh tra việc quản lý, sử dụng đất các dự án đầu tư khi được nhà nước giao đất, cho thuê đất tại Cụm Công nghiệp Hà Lam - Chợ Được, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 677/TTr-STNMT ngày 28/2022 và hồ sơ xin gia hạn sử dụng đất của Công ty TNHH Hitex.One Vina kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Hitex.One Vina được gia hạn sử dụng đất 24 tháng đối với diện tích đất thuê 21.242,0 m² để thực hiện đầu tư dự án xây dựng Nhà máy sản xuất sản phẩm từ sợi Hitex.One Vina tại Cụm công nghiệp Hà Lam - Chợ Được, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình.

- Lý do gia hạn: theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai năm 2013; điểm c khoản 2 Điều 15 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được bổ sung khoản 12 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với UBND huyện Thăng Bình theo dõi, giám sát chặt chẽ tiến độ sử dụng đất của Công ty TNHH Hitex.One Vina; hết thời gian gia hạn sử dụng đất được cho phép mà Công ty chưa hoàn thành dự án đưa vào sử dụng thì tham mưu UBND tỉnh thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật.

2. Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định khoản tiền tương ứng với mức tiền thuê đất mà Công ty TNHH Hitex.One Vina phải nộp cho Nhà nước trong thời gian gia hạn sử dụng đất 24 tháng theo đúng quy định; gửi Thông báo nộp tiền gia hạn sử dụng đất cho Công ty để thực hiện.

3. UBND huyện Thăng Bình có trách nhiệm chỉ đạo các Phòng, Ban liên quan và UBND xã Bình Phục thường xuyên kiểm tra, giám sát việc quản lý sử dụng đất của Công ty TNHH Hitex.One Vina theo quy định; kịp thời giải quyết kiến nghị của cá nhân, tổ chức liên quan đến việc sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

4. Công ty TNHH Hitex.One Vina có trách nhiệm:

- Nộp đầy đủ khoản tiền tương ứng với mức tiền thuê đất mà đơn vị phải nộp cho Nhà nước trong thời gian gia hạn sử dụng đất 24 tháng theo Thông báo của Cục Thuế tỉnh Quảng Nam. Trường hợp đơn vị không nộp đủ tiền thuê đất trong thời gian được gia hạn sử dụng đất hoặc hết thời gian được gia hạn mà đơn vị chưa đưa đất vào sử dụng thì UBND tỉnh thu hồi đất mà không được bồi thường về đất và tài sản gắn liền trên đất theo đúng quy định của pháp luật.

- Khẩn trương đưa đất vào sử dụng để triển khai đầu tư xây dựng hoàn thành dự án theo quy hoạch, đúng tiến độ; quản lý, sử dụng diện tích đất được Nhà nước cho thuê theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Thăng Bình; Chủ tịch UBND xã Bình Phục; Giám đốc Công ty TNHH Hitex.One Vina; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Trí Thanh

Quyết định này đã được đăng ký vào Sổ Địa chính Nhà nước tại Chi cục Quản lý đất đai vào ngày tháng năm 2023 tại Trang số Quyền số /SDC.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM

Số: 929 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Nam, ngày 05 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

(Cấp lần đầu: ngày 23 tháng 10 năm 2017)

(Điều chỉnh lần thứ 1: ngày 05 tháng 5 năm 2023)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 2131/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Hướng dẫn trình tự, thủ tục đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hướng dẫn trình tự, thủ tục đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định số 2131/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 3743/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 của UBND tỉnh đối với dự án Nhà máy sản xuất sản phẩm từ sợi Hitex.One Vina tại lô A/A1, Cụm công nghiệp Hà Lam - Chợ Được, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của UBND tỉnh về việc gia hạn sử dụng đất của Công ty TNHH Hitex.One Vina thuê để thực hiện dự án xây dựng Nhà máy sản xuất sản phẩm từ sợi Hitex.One Vina tại Cụm công nghiệp Hà Lam - Chợ Được, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình;

Theo Công văn số 8334/UBND-NCKS ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh về việc xử lý Kết luận thanh tra việc quản lý, sử dụng đất các dự án đầu tư khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất tại Cụm công nghiệp Hà Lam - Chợ Được, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình;

Xét Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Hitex.One Vina nộp ngày 20/02/2023, hồ sơ bổ sung ngày 03/4/2023;



Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo kết quả thẩm định số 187/BC-SKHĐT ngày 27/4/2023 (kèm theo ý kiến của Cục Thuế tỉnh tại Công văn số 2760/CTQNA-NVDTPC ngày 17/4/2023).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của dự án Nhà máy sản xuất sản phẩm từ sợi Hitex.One Vina tại Cụm công nghiệp Hà Lam - Chợ Được, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình đã được chấp thuận tại Quyết định chủ trương đầu tư số 3743/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam với nội dung điều chỉnh như sau: :

Nội dung tiến độ thực hiện dự án quy định tại khoản 8 Điều 1 của Quyết định chủ trương đầu tư số 3743/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 của UBND tỉnh được điều chỉnh như sau:

"Điều 1:

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Từ tháng 8/2017 đến tháng 7/2023: thực hiện các hồ sơ, thủ tục về đầu tư, đất đai, môi trường, phòng cháy chữa cháy, xây dựng;

- Tháng 8/2023: xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị;

- Tháng 01/2025: hoàn thành và đưa toàn bộ dự án vào hoạt động".

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

1. Công ty TNHH Hitex.One Vina chịu trách nhiệm:

- Thực hiện đúng các nội dung được quy định tại các Quyết định về chủ trương đầu tư đối với dự án, các quy định của pháp luật về đầu tư, bảo vệ môi trường, đất đai, xây dựng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực sản xuất kinh doanh của dự án.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu, nội dung về hồ sơ dự án và hiệu quả đầu tư dự án; phải thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư nếu nhà đầu tư điều chỉnh dự án đầu tư thuộc các trường hợp quy định tại Điều 41 của Luật Đầu tư năm 2020.

- Chấp hành nghiêm chế độ báo cáo định kỳ hằng quý, năm về tình hình thực hiện dự án và chế độ báo cáo thuế theo quy định.

Trường hợp nhà đầu tư không thực hiện đúng các quy định nêu trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, Ban, ngành, UBND huyện Thăng Bình và các cơ quan liên quan xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc trình UBND tỉnh xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành và UBND huyện Thăng Bình:

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, các Sở, Ban, ngành có liên quan, UBND huyện Thăng Bình có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Công ty TNHH Hitex.One Vina thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật và đầu tư dự án theo đúng các nội dung đầu tư đã được UBND tỉnh chấp thuận.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Quyết định chủ trương đầu tư số 3743/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Thăng Bình và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được gửi cho Công ty TNHH Hitex.One Vina và một bản được lưu tại Văn phòng UBND tỉnh Quảng Nam. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTN, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quang Bửu

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 7642565482

Chứng nhận lần đầu: Ngày 23 tháng 10 năm 2017

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ 1: Ngày 09 tháng 5 năm 2023

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 2131/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Hướng dẫn trình tự, thủ tục đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hướng dẫn trình tự, thủ tục đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định số 2131/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 26/7/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 3743/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 và Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 929/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của UBND tỉnh đối với dự án Nhà máy sản xuất sản phẩm từ sợi Hitex.One Vina tại Cụm công nghiệp Hà Lam - Chợ Được, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7642565482 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam chứng nhận lần đầu ngày 23/10/2017;

Xét Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Hitex.One Vina nộp ngày 20/02/2023, hồ sơ bổ sung ngày 03/4/2023.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH QUẢNG NAM

Chứng nhận:

Dự án đầu tư **NHÀ MÁY SẢN XUẤT SẢN PHẨM TỪ SỢI HITEX.ONE VINA**; mã số dự án 7642565482 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam chứng nhận lần đầu ngày 23/10/2017, được đăng ký điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:**Nhà đầu tư:**

Họ tên: **JONG-KOOK, BAEK**; giới tính: nam;

Ngày sinh: 20/01/1967, quốc tịch: Hàn Quốc;

Hộ chiếu số: M81186953; ngày cấp: 22/4/2011, nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc;

Địa chỉ thường trú: 96, Jugyeospan, Soheul, Pocheon-si, Gyeonggi-do, Korea;

Chỗ ở hiện tại: 96, Jugyeospan, Soheul, Pocheon-si, Gyeonggi-do, Korea;

Điện thoại: 82-10-9303-2444.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: Công ty TNHH Hitex.One Vina; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4001125432 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 30/10/2017.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: **NHÀ MÁY SẢN XUẤT SẢN PHẨM TỪ SỢI HITEX.ONE VINA.**

2. Mục tiêu dự án: sản xuất sợi, vải dệt thoi (không tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan).

3. Quy mô dự án:

- Công suất thiết kế: 1.000 tấn/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: lô A/A1, Cụm công nghiệp Hà Lam - Chợ Được, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

5. Diện tích đất sử dụng: 21.242 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 56.912.500.000 đồng (năm mươi sáu tỷ chín trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), tương đương 2.500.000 USD (hai triệu năm trăm nghìn đô la Mỹ), trong đó:

- Vốn góp để thực hiện dự án: 34.147.500.000 đồng (ba mươi bốn tỷ, một trăm bốn mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng), tương đương 1.500.000 USD (một triệu năm trăm nghìn đô la Mỹ), chiếm tỷ lệ 60% tổng vốn đầu tư. Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
1	Jong-Kook, Baek	34.147.500.000	1.000.000	100	Bằng tiền	90 ngày kể từ ngày được cấp



Signature

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			
		:				Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

- Vốn huy động: 22.765.000.000 đồng (hai mươi hai tỷ, bảy trăm sáu mươi lăm triệu đồng), tương đương 1.000.000 USD (một triệu đô la Mỹ), chiếm tỷ lệ 40% tổng vốn đầu tư.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm, kể từ ngày 23/10/2017.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Từ tháng 8/2017 đến tháng 7/2023: thực hiện các hồ sơ, thủ tục về đầu tư, đất đai, môi trường, phòng cháy chữa cháy, xây dựng;

- Tháng 8/2023: xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị;

- Tháng 01/2025: hoàn thành và đưa toàn bộ dự án vào hoạt động.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

Công ty TNHH Hitex.One Vina chịu trách nhiệm:

- Thực hiện đúng các nội dung được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này và các quy định của pháp luật về đầu tư, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực đăng ký hoạt động của dự án.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác các thông tin, số liệu, nội dung về hồ sơ dự án và hiệu quả đầu tư; nhà đầu tư phải thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong trường hợp việc điều chỉnh dự án đầu tư làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Chấp hành nghiêm chế độ báo cáo định kỳ hằng quý, năm về tình hình thực hiện dự án và chế độ báo cáo thuế theo quy định, thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về đất đai, môi trường, xây dựng, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự, an toàn lao động đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; chấp hành các quy định của chính quyền địa phương.

Trường hợp Công ty TNHH Hitex.One Vina không thực hiện đúng các quy định nêu trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, Ban, ngành, UBND huyện Thăng Bình xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo UBND tỉnh xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7642565482 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam chứng nhận lần đầu ngày 23/10/2017.



Qykh

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 3 (ba) bản gốc; 01 bản cấp cho nhà đầu tư Jong-Kook, Baek, 01 bản cấp cho Công ty TNHH Hitex.One Vina, 01 bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Các Sở: TN&MT, XD, CT;
- UBND huyện Thăng Bình;
- Cục Thuế tỉnh;
- Lưu VT, DNĐT (Na).



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Tấn Văn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CẤP NƯỚC
Số: 0014.9.9.../2023/HDNS- XNNSTB

- Căn cứ Bộ luật dân sự của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 91/2015/QH 13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 59/2010/QH12 ngày 17/11/2010 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và Nghị định 124/2011/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 117/2007/NĐ-CP;
- Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007.

Hôm nay, ngày 11 tháng 09 năm 2023 Tại văn phòng Xí nghiệp nước sạch Thăng Bình.

Chúng tôi gồm có:

I. BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ: (Bên A)

CÔNG TY TNHH KINH DOANH NƯỚC SẠCH QUẢNG NAM

Đại diện là Ông: **Phan Văn Đại Nghĩa**

Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH Kinh doanh Nước sạch Quảng Nam tại Thăng Bình - Xí nghiệp nước sạch Thăng Bình.

(Theo ủy quyền số 07/UQ-TGD ngày 19/12/2022 của Tổng giám đốc Công ty.)

Địa chỉ: 57 Thái Phiên, thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

Điện thoại: 19000228

Tài khoản số: 4203201006010 Tại Ngân hàng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Thăng Bình

Mã số thuế: 4001246772.

II. BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ: (Bên B)

CÔNG TY TNHH HITEX ONE VINA

Người đại diện là Ông: **JONG-KOOK. BAEK** Số chứng thực cá nhân: M81186953

Chức vụ: Chủ tịch Công ty

(Theo ủy quyền số .../..... ngày của)

Địa chỉ trụ sở chính: Lô A/A1 Cụm công nghiệp Hà Lam – Chợ Được, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Địa chỉ sử dụng nước: Lô A/A1 Cụm công nghiệp Hà Lam – Chợ Được, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Mã số Khách hàng:

Điện thoại: 0905159686 Email:

Mã số thuế: 4001125432

Tài khoản số: Tại Ngân hàng

Cùng nhau thỏa thuận ký kết Hợp đồng dịch vụ cấp nước với các điều khoản sau:

Điều 1: Đối tượng của Hợp đồng:

Bên B đề nghị và bên A đồng ý cung cấp dịch vụ cấp nước theo các điều kiện tiêu chuẩn và chất lượng nước quy định tại Hợp đồng này. Bên B sử dụng nước đúng mục đích đăng ký, tuân thủ đầy đủ các quy định của Hợp đồng và pháp luật liên quan.

Mục đích dùng nước:	(1) Sinh hoạt	(2) Hành chính, sự nghiệp	(3) Sản xuất vật chất, xây dựng	(4) Kinh doanh, dịch vụ
Đồng hồ tổng: ☐	☐	☐	☒	☐

Điều 2. Điều kiện chất lượng dịch vụ:

Chất lượng nước sạch của bên A cung cấp đến đồng hồ đo nước của bên B đảm bảo theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt Bộ Y tế ban hành. (2)

Đảm bảo áp lực, lưu lượng, tính liên tục tại điểm đầu nối của Bên B theo tiêu chuẩn hiện hành.

Điều 3. Giá nước sạch:

Giá nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định căn cứ từng đối tượng, mục đích sử dụng. Trường hợp nếu có sự thay đổi về giá nước thì bên A sẽ thông báo cho bên B biết qua các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết tại Văn phòng bên A. (3)

Điều 4. Phương thức thanh toán:**Ghi số đồng hồ:**

1. Bên A ghi chỉ số đồng hồ đo nước theo định kỳ mỗi tháng một lần theo lịch cố định. Nếu bên A cần thay đổi lịch cố định thì sẽ báo trước cho bên B trong vòng 1 tháng. Trường hợp ngày ghi trùng vào ngày Lễ, Tết thì bên A có thể ghi trước hoặc sau từ 1 đến 2 ngày.

2. Khi đồng hồ đo nước bị hỏng (không do tác nhân bên ngoài) hoặc không đọc được chỉ số đồng hồ bởi các lý do khác thì lượng nước sử dụng tháng đó sẽ tạm tính bằng lượng nước bình quân 03 tháng dùng nước liền kề, nhưng không quá 02 kỳ hóa đơn liên tiếp. Hai bên phải phối hợp khắc phục để đọc được chỉ số đồng hồ và truy thu lượng nước tạm tính thiếu hay truy hoàn lượng nước tạm tính thừa.

3. Nếu hệ thống cấp nước của bên B phía sau đồng hồ bị hỏng gây rò rỉ thất thoát nước, thì lượng nước thất thoát bên B phải thanh toán.

Thanh toán tiền:

Bên B thanh toán cho Bên A theo hoá đơn tiền nước định kỳ bằng các hình thức:

- Chuyển khoản;
- Ủy thác ngân hàng trích tự động;
- Nộp tiền tại các đơn vị thu hộ hoặc các điểm thu tiền nước bên A thông báo.

Thời hạn thanh toán được thông báo trong tin nhắn điện thoại hàng tháng của bên A. Thời điểm thanh toán được xác định là thời điểm bên B trả đủ số tiền theo thông báo thanh toán của bên A.

Trường hợp bên A đã gửi thông báo thanh toán tiền nước cho bên B 02 lần mà bên B vẫn chưa thanh toán, thì bên A sẽ ngừng cung cấp nước.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của bên A:**1. Bên A có các quyền sau:**

a. Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất hệ thống cấp nước, đồng hồ, việc sử dụng và thực hiện các điều khoản trong Hợp đồng của bên B. Được phép vào khu vực quản lý của bên B để thao tác, bảo dưỡng, sửa chữa và thay mới các trang thiết bị cấp nước, đường ống, đồng hồ đo nước và sẽ thông báo cho bên B trước khi thực hiện.

b. Yêu cầu bên B khắc phục các trở ngại để thực hiện việc biên đọc chỉ số đồng hồ, thu tiền nước và kiểm tra hệ thống cấp nước.

c. Ngừng cung cấp nước, yêu cầu bồi thường thiệt hại và hủy Hợp đồng khi bên B vi phạm các điều khoản đã ký kết trong Hợp đồng.

d. Được quyền tháo dỡ thu hồi hệ thống cấp nước đã lắp đặt miễn phí cho khách hàng (nếu có) nếu khách hàng không sử dụng nước liên tục trong 4 tháng hoặc nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nước.

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Bên A có nghĩa vụ sau:

a. Đảm bảo chất lượng nước theo quy chuẩn quy định của Bộ Y tế, đảm bảo cung cấp nước thường xuyên cho khách hàng theo khả năng hiện có (trừ trường hợp bất khả kháng sẽ thông báo cho bên B biết thông qua các phương tiện thông tin đại chúng).

b. Thông báo lịch ghi đọc đồng hồ, thu tiền nước hằng tháng cho bên B và thực hiện theo lịch đã thông báo. Ghi đọc đầy đủ, kịp thời, chính xác số lượng nước do bên B sử dụng hằng tháng, thông báo chỉ số đồng hồ khi bên B yêu cầu. Thông báo, niêm yết công khai các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định của bên A mà bên B cần biết để thực hiện.

c. Kịp thời kiểm tra sửa chữa các sự cố trên mạng lưới đường ống thuộc phạm vi quản lý của bên A. Tiếp nhận và giải quyết các kiến nghị, yêu cầu của bên B về các vấn đề có liên quan đến cung cấp sử dụng nước đã được thỏa thuận tại Hợp đồng này.

d. Bồi thường khi gây thiệt hại cho khách hàng sử dụng nước theo quy định của pháp luật.

đ. Cung cấp kịp thời thông tin số tiền nước hằng tháng, lịch ngừng cung cấp nước đến số điện thoại bên B cung cấp trong hợp đồng.

e. Kiểm tra chất lượng nước định kỳ hằng tháng, hằng quý và gửi thông tin trên website của bên A. (4)

g. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của bên B:

1. Bên B có các quyền:

a. Yêu cầu bên A cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về số lượng nước tiêu thụ, số tiền nước hàng tháng, lịch ngừng cung cấp nước và chất lượng nước.

b. Yêu cầu bên A khắc phục các sự cố gây ảnh hưởng đến việc cung cấp nước thuộc phạm vi quản lý của bên A.

c. Yêu cầu bên A cung cấp hoặc giới thiệu thông tin về hoạt động cấp nước, các văn bản pháp luật có liên quan.

d. Yêu cầu bên A kiểm tra chất lượng nước, tính chính xác của thiết bị đo đếm, số tiền phải thanh toán.

e. Yêu cầu bên A bồi thường thiệt hại do bên A gây ra theo quy định của pháp luật (trừ các trường hợp bất khả kháng).

f. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Bên B có các nghĩa vụ sau:

3432
CÔNG TY
NHÀ
EX.O
VINA
QUẢNG

a. Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn tiền sử dụng nước và các chi phí dịch vụ cấp nước cho bên A.

b. Sử dụng nước tiết kiệm, đúng mục đích đã thỏa thuận trong Hợp đồng.

c. Phối hợp và tạo điều kiện để bên A kiểm tra hệ thống cấp nước, sửa chữa, bảo dưỡng và thay thế kịp thời các thiết bị cấp nước, ghi đọc chỉ số đồng hồ. Nếu nơi sử dụng nước đóng cửa vào thời điểm đọc chỉ số đồng hồ nước thì bên B có trách nhiệm thông báo chỉ số nước cho bên A nhưng không được quá 02 tháng liên tiếp.

d. Bảo vệ các công trình, đường ống, thiết bị cấp nước, bảo quản niêm chỉ trên đồng hồ theo đúng các quy định của bên A và cơ quan có thẩm quyền; Thông báo kịp thời cho bên A khi phát hiện những dấu hiệu bất thường có thể gây thất thoát nước, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ.

e. Chỉ sử dụng nước qua đồng hồ đã lắp đặt, không được gian lận lượng nước sử dụng bằng bất kỳ hình thức nào.

g. Không được tự ý tháo dỡ, di chuyển đồng hồ, đường ống trước đồng hồ hoặc dùng máy bơm hút trực tiếp qua hệ thống cấp nước.

h. Thay thế đồng hồ khi đồng hồ đo nước bị hỏng (đã hết thời hạn bảo hành – nếu do bên A thực hiện lắp đặt).

i. Các thông tin khách hàng đăng ký trong Hợp đồng như: thông tin khách hàng, số điện thoại, mục đích sử dụng nước ... nếu có thay đổi phải liên hệ Bên A ký phụ lục Hợp đồng.

k. Bồi thường khi gây ra thiệt hại cho bên A và các tổ chức cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật khi vi phạm Hợp đồng.

l. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Sửa đổi Hợp đồng:

1. Khi có mẫu Hợp đồng mới được sửa đổi so với mẫu đang thực hiện đã được cơ quan chức năng chấp thuận, bên A phải thông báo cho bên B và bên B có trách nhiệm thực hiện việc ký kết lại Hợp đồng mới theo yêu cầu của bên A.

2. Khi bên B chuyển giao nhà, đất tại địa chỉ sử dụng nước thì bên B phải hoàn thành các nghĩa vụ tài chính và làm thủ tục ký kết lại Hợp đồng với bên A trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày chuyển giao hoặc thay đổi.

3. Nếu một trong hai bên có thông báo hoặc đề nghị bằng văn bản về thay đổi, bổ sung các thông tin khác có liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này thì hai bên xem xét điều chỉnh và ký kết lại Hợp đồng hoặc Phụ lục Hợp đồng.

Điều 8. Chấm dứt Hợp đồng :

Hợp đồng được chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

1. Bên B đề nghị chấm dứt Hợp đồng theo quy định do không còn nhu cầu sử dụng nước.

2. Bên A đơn phương chấm dứt Hợp đồng do bên B vi phạm Hợp đồng hoặc được xác định thực tế là không có nhu cầu sử dụng nước hoặc không sử dụng nước trong 04 tháng liên tục.

3. Nhà, đất tại địa chỉ sử dụng nước của bên B bị giải tỏa, di dời toàn bộ theo quy định của cơ quan chức năng.

4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Giải quyết tranh chấp và vi phạm Hợp đồng:

1. Nếu một trong hai bên vi phạm Hợp đồng thì bên kia có quyền đơn phương đình chỉ, hủy bỏ Hợp đồng, yêu cầu bên vi phạm chịu phạt vi phạm Hợp đồng và bồi thường thiệt hại do việc vi phạm gây ra.

2. Khi phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng thương lượng, nếu không thương lượng được thì tòa án sơ thẩm sẽ là cơ quan giải quyết tranh chấp.

Điều 10. Các thỏa thuận khác:

1. Trường hợp đường ống, thiết bị từ điểm đầu nối với ống dịch vụ đến đồng hồ nước bị hư hỏng, bên A sẽ thông báo và mời bên B chứng kiến. Chi phí khắc phục, cải tạo, thay thế mới do bên B chi trả, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, điều 10 của Hợp đồng này.

2. Bên A tạm ngừng cấp nước trong trường hợp bên B yêu cầu vì các lý do hợp lý như tạm vắng, tạm dừng sản xuất, kinh doanh trong một thời gian nhất định (dưới 12 tháng liên tục) nhưng không chấm dứt Hợp đồng dịch vụ cấp nước.

3. Bên A tạm ngừng cung cấp nước nếu bên B vi phạm một trong các nội dung sau:

- a. Không thanh toán tiền nước đầy đủ và đúng thời gian quy định.
- b. Làm sai lệch chỉ số đồng hồ, phá hỏng đồng hồ đo nước và các thiết bị liên quan đến hệ thống cấp nước (kể cả niêm chì).
- c. Tự ý thay đổi đường ống, phụ kiện, đồng hồ, di chuyển đồng hồ khỏi vị trí lắp đặt ban đầu.
- d. Có hành vi gian lận trong sử dụng nước.

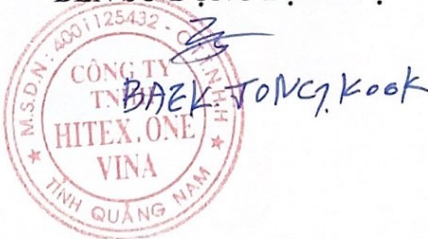
4. Trường hợp bên A tạm ngừng cung cấp nước hoặc hủy Hợp đồng khi bên B vi phạm các điều khoản đã ký kết trong Hợp đồng thì bên A chỉ khôi phục cấp nước lại khi mọi tồn tại được giải quyết, bên B thanh toán đủ số tiền nước, bồi thường thiệt hại (nếu có) và mọi chi phí liên quan như đóng mở nước do bên B chi trả. Thời gian khôi phục lại sau 24 giờ và không quá 48 giờ từ khi bên B thực hiện xong các nghĩa vụ liên quan.

Điều 11. Điều khoản chung:

Hợp đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho Hợp đồng cũ đã ký giữa 2 bên.

Hợp đồng lập thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản.

BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ



BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ

